

GIỚI BỒ-TÁT CHO NGƯỜI TẠI GIA
(*Kinh Ưu-bà-tắc giới*)

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHIÊN DỊCH PHẬT HỌC

7

GIỚI BỒ-TÁT
CHO NGƯỜI TẠI GIA
(*Kinh Ưu-bà-tắc giới*)

Dịch và chú thích
THÍCH NHẬT TỪ

Trợ lý
NGỘ TÁNH HẠNH

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

Lời giới thiệu - HT. Thích Giác Toàn.....	vii
Lời nói đầu	ix
Lời nói đầu của Đại sư Ấn Quang	xix
1. Nghi thức dẫn nhập	1
1.1. Kệ tập hợp.....	1
1.2. Kệ cung thỉnh.....	1
1.3. Sám hối	2
1.4. Lạy thỉnh tụng giới	2
1.5. Kệ tán lò hương	3
1.6. Kệ giộng chuông.....	3
1.7. Kệ khai kinh.....	4
1.8. Kệ rải hoa.....	4
1.9. Kệ thắp hương	5
1.10. Kệ xin chỉ dạy	5
1.11. Lời tựa tụng giới	5
2. Kinh giới Bồ-tát cho người tại gia	11
2.1. Sáu giới trọng	12
2.2. Hai mươi tám giới nhẹ	16
3. Sám nguyện	29
3.1. Kệ kết nghi thức.....	29
3.2. Kinh tinh hoa trí tuệ.....	31
3.3. Niệm Phật	33
3.3. Hồi hướng công đức	34
3.4. Đánh lễ Ba ngôi báu	35
Phụ lục: <i>Kinh Giới Ưu-bà-tắc</i> bằng chữ Hán	37
Vài nét về Thầy Nhật Từ.....	41

LỜI GIỚI THIỆU

Quyển “*Giới Bồ-tát cho người tại gia*” do Thượng tọa Thích Nhật Từ dịch từ nguyên tác “*Kinh Ưu-bà-tắc giới*” (優婆塞戒經), nghĩa đen là “*Kinh về giới hạnh của cư sĩ tại gia*” có số hiệu là T. 1488 trong *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh*. *Giới bốn* này do ngài Đàm-vô-sám (Dharmakṣema,曇無讖) dịch năm 426 thời Bắc Lương từ tiếng Phạn sang tiếng Hán.

Nhìn sâu vào bản chất của 6 giới trọng và 28 giới khinh trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*, chúng ta thấy rằng trên thực chất, *Giới bốn* này triển khai chi tiết về 5 giới, 10 thiện nghiệp và bốn phạm đạo đức của cư sĩ tại gia đối với gia đình, xã hội và Phật pháp. Nói cách khác, cuốn Luật này nhấn mạnh đến ba phương diện: Chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng của một Phật tử tại gia và bốn phạm trách nhiệm đạo đức của một Phật tử hộ pháp chân chánh trong mọi thời đại.

Cho tới thời điểm này, thật khó xác định cuốn Luật này thuộc trường phái nào. Vì các điều khoản gồm 6 giới trọng và 28 giới khinh trong *Kinh giới Ưu-bà-tắc* này có thể được tìm thấy trong Kinh tạng, Luật tạng Pāli và trong bốn bộ *Kinh A-hàm* (truyền bản của các bộ phái) hoặc trong các bản chú giải các bộ luật của các trường phái. Các dấu hiệu thể hiện đặc điểm tư tưởng Phật giáo Đại thừa không thể hiện rõ trong cuốn Luật này.

Thiết nghĩ, vào một giai đoạn nhất định trong quá khứ, xã hội cần hình thành các văn bản để hệ thống hóa những nguyên

tắc đạo đức, văn hóa ứng xử giữa người với người, giữa người đối với xã hội và đặc biệt trách nhiệm của một Phật tử đối với sự hưng suy của Phật pháp là điều hết sức cần thiết. Nguồn tư liệu quý báu ấy trải qua bao năm tháng vẫn được các bậc cổ đức lưu giữ trong kho tàng Pháp bảo *Đại Chánh tạng* và nhiều tạng khác.

Các dịch giả Phật giáo Việt Nam trước đây đã từng dịch tác phẩm này và khuyến khích các thiện hữu tri thức Phật tử tham cứu hành trì như Hòa thượng Thích Tịnh Nghiêm (*Tại gia Bồ-tát giới kinh*), Thượng tọa Thích Pháp Chánh (*Tại gia Bồ-tát giới bản*). Trong cuốn sách này, Thượng tọa Thích Nhật Từ dịch mới, bổ sung các cước chú, đồng thời, đối chiếu các giới khoản của *Kinh giới Ưu-bà-tắc* với “*Phạm võng Bồ-tát giới kinh*” để khẳng định các giá trị đạo đức mà một Phật tử cần phải hành trì.

Tôi hoan hỷ với sự nỗ lực dịch thuật của Thượng tọa Thích Nhật Từ đối với các bản văn Luật học Phật giáo trong đợt xuất bản đầu tiên của Trung tâm Nghiên cứu và Phiên dịch Phật học thuộc Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam. Đồng thời, tôi cũng hoan hỷ với sự phát tâm ấn tống của quỹ Đạo Phật Ngày Nay, góp phần cho từng thư Luật học Phật giáo thêm phong phú và phổ biến rộng rãi đến Phật tử các giới.

Tôi tin rằng, dù ở trường phái nào, quốc gia nào và thời đại nào, người ứng dụng hành trì *Giới bản* này đều mang lại lợi ích cho chính mình và cho mọi người. Rất mong quý Phật tử thập phương nghiên cứu, vận dụng những điều luật này vào đời sống hiện nay, trở thành một công dân gương mẫu và lý tưởng của xã hội.

Trân trọng và chúc an lành.

Mùa An cư, năm Tân Sửu, 2021
 Pháp viện Minh Đăng Quang, TP. Hồ Chí Minh
Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
 (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

LỜI NÓI ĐẦU

1. XUẤT XỨ CỦA GIỚI BỒ-TÁT TẠI GIA

Giới Bồ-tát tại gia được đức Phật quy định trong “*Kinh Ưu-bà-tắc giới*” (優婆塞戒經), đang khi giới Bồ-tát xuất gia được ghi chép trong “*Kinh Phạm võng Bồ-tát giới*” (S. *Brahmajāla Bodhisattva śīla Sūtra*, 梵網菩薩戒經). Đây là hai bản kinh quan trọng về quy phạm hành vi (行為規範) của người tu học theo Phật giáo Đại thừa nhằm hoàn thiện đạo đức trọn vẹn, một trong ba trụ cột tâm linh cốt lõi của Phật giáo. Hai trụ cột tâm linh còn lại là trí tuệ và thiên định.

“*Kinh Ưu-bà-tắc giới*” (優婆塞戒經) còn gọi là “*Giới bốn Ưu-bà-tắc*” (優婆塞戒本), hay “*Kinh Bồ-tát tại gia*” (在家菩薩經), hay “*Kinh Bồ-tát cư sĩ tại gia*” (在家居士菩薩戒) do Đàm-vô-sấm (Dharmakṣema, 曇無讖, 385-433/439) dịch năm 426, gồm 7 quyển, 28 chương, nằm trong quyển 24 của *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正藏) với mã số T.1488.¹ *Kinh Ưu-bà-tắc giới* chia làm 3 phần: (i) Phần tập hội (集會分) chỉ có 1 phẩm, (ii) *Phẩm Tự pháp tâm* đến *Phẩm Bát-nhã* (自發心品至般若品多分) gồm 27 phẩm, (iii) Phần kết thành (結成分).

Đức Phật giảng *Kinh Ưu-bà-tắc giới* cho trưởng giả Thiện Sanh về giới Ưu-bà-tắc Đại thừa (大乘優婆塞戒), còn gọi là giới tại gia (在家戒). Kinh này được phát triển từ nền tảng đạo đức trong các *Kinh Thiện Sanh* (善生經) thuộc *Kinh Trung A-hàm* (中阿含經)

¹ Truy cập [tháng 6/2021] tại: <https://cbetaonline.dila.edu.tw/zh/T1488>

và *Kinh Thiện Sanh tử* (善生子經) hoặc *Kinh Thi-ca-la-việt lục phương lễ* (屍迦羅越六方禮經) trong *Kinh Trường A-hàm* (長阿含). Về quan hệ nội dung, *Kinh Ưu-bà-tắc giới* phát triển từ “tám giới xuất gia trong một ngày” (八齋戒), mười điều thiện (十善戒) và *Kinh Thiện Sanh* (善生經) trong *Kinh Trung A-hàm*.

Kinh Ưu-bà-tắc giới (優婆塞戒經) nhấn mạnh đến việc lập nguyện (立願), tu học (修學), giữ giới (持戒), tinh tấn (精進), thiền định (禪定), trí tuệ (智慧), đồng thời, đề cao việc phát tâm bồ-đề (發菩提心), nuôi lớn tâm đại bi (悲心) và hướng đến giải thoát (解脫).

2. KHÁI QUÁT NỘI DUNG KINH GIỚI ƯU-BÀ-TẮC

Theo *Kinh Ưu-bà-tắc giới* (優婆塞戒經), bên cạnh việc giữ gìn năm điều đạo đức, các Phật tử tại gia trong truyền thống Đại thừa có cơ hội giữ giới Bồ-tát tại gia (在家菩薩) gồm 6 giới quan trọng (六重法) và 28 giới nhẹ (輕戒) hay giới không cố ý (二十八失意).

Kinh Ưu-bà-tắc giới nhấn mạnh hai phương diện học Phật và tu Phật của người tại gia (居上學修), tán thán giá trị của hạnh xuất gia với lý tưởng cao quý, khích lệ người tại gia siêng tu giới pháp, giải thích rõ các nghi vấn trong tu học và cảnh giới đạt được.

Một trong giá trị cốt lõi của giới Bồ-tát là nhấn mạnh tâm từ bi trong hành động thực tiễn. Giới cấm ăn thịt (禁食肉) giúp người thọ giới Bồ-tát không làm đứt mất hạt giống Phật tính và đại từ bi (斷大慈悲佛性種子). Giới cấm dùng 5 loại thực vật cay nồng (禁五辛) nhằm giúp người thọ giới Bồ-tát giảm tối đa các thức ăn tạo ra phản ứng hormone tính dục, vốn rất cần thiết cho người xuất gia tu hạnh thánh thanh tịnh. Hai giới này tóm lược tư tưởng của các *Kinh Lăng-già* (楞伽經), *Kinh Thủ-lăng-nghiêm* (首楞嚴經) và *Kinh Đại-bát-niết-bàn* (大涅槃經).

Để phát triển tâm từ bi, nhằm nhập thế năng động hơn, độ sinh hiệu quả hơn, giới Bồ-tát khuyên chúng ta quán niệm: “Tất cả người nam đã từng là cha ta. Tất cả người nữ đã từng là mẹ ta” (一切男子是我父，一切女人是我母). Do vậy, giết chúng sanh được xem là giết cha mẹ trong các đời trước; ăn thịt chúng sanh là ăn thịt cha mẹ trong các kiếp trước. Đồng thời, khích lệ mọi người phóng sanh (

放生), làm thiện (追善), cúng dường (供養), làm phúc (修福) song song với việc tu trí tuệ (修慧), vốn là đặc sắc của giới luật Đại thừa.

Ngoài việc đề cao tâm từ bi, giới Bồ-tát nhấn mạnh “tâm hiếu thuận” (孝順心), vì hiếu thảo được xem là đạo đức (孝名為戒) nhằm khích lệ sự hiếu thuận đối với cha mẹ, Tam bảo, Tăng đoàn (孝順父母三寶師僧), hoặc gọn hơn là hiếu thuận với cha mẹ và Tăng đoàn (孝順父母師僧).

Ngoài ra, giới Bồ-tát còn khuyến khích gieo trồng ruộng phước, cứu độ chúng sanh, kêu gọi mọi người cúng dường xây tăng phòng, vườn tược (建立僧房、山林園田) cung cấp nơi tu tập cho mọi người (供人修行), xây tháp thờ Phật (立作佛塔) giúp nhiều người quy ngưỡng, chiêm bái (供人瞻禮). Về việc chia sẻ chân lý Phật, giới Bồ-tát kêu gọi đệ tử Phật siêng học Phật pháp (習學佛戒), năng động trong việc giáo hóa chúng sanh (化眾生戒), nhấn mạnh truyền bá kinh luật Đại thừa (為一切眾生講說大乘經律), khai mở từ bi và trí tuệ, giúp mọi người vượt qua nỗi khổ, niềm đau.

3. BA NHÓM GIỚI BỒ-TÁT

Theo Phật giáo Đại thừa, giới Bồ-tát còn gọi là “giới Phật tính” (佛性戒) vì mục đích chính của giới này là nhằm khai mở “tính giác ngộ như Phật” (佛性) vốn có trong mỗi chúng sanh, trên nền tảng phát triển tâm từ bi (慈悲心) và tâm bồ-đề (菩提心), theo đó, cứu độ tất cả chúng sanh (普度眾生).

Giới Bồ-tát có ba nhóm giới thanh tịnh (S. *tri-vidhāni śīlāni*, 三聚淨戒, tam tụ thanh giới), còn gọi là “tam tụ viên giới” (三聚圓戒), ba nhóm giới trọn vẹn, hay đơn giản hơn “tam tụ giới” (三聚戒) tức ba nhóm giới. Ba nhóm giới Bồ-tát (菩薩三聚戒, Bồ-tát tam tụ giới) bao gồm như sau:

Nhóm giới thứ nhất là nhiếp luật nghi giới (S. *sajvara-śīla*, 攝律儀戒) còn gọi là “giới tự tánh” (自性戒, tự tánh giới) hay “tất cả giới Bồ-tát” (一切菩薩戒, Nhất thiết Bồ-tát giới) gồm 10 giới nặng và 48 giới nhẹ, có chức năng dứt trừ tất cả điều ác.

Nhóm giới thứ hai là giới bao quát các điều thiện (S. *kuśala-dharma-sajgrāhaka-śīla*, 攝善法戒, nhiếp thiện pháp giới), còn gọi là “giới tiếp nhận pháp lành” (受善法戒, thọ thiện pháp giới),

nghĩa là tu tập tất cả pháp lành (修習一切善法) gồm sáu ba-la-mật (六波羅蜜).

Nhóm giới thứ ba là giới làm lợi lạc hữu tình (S. *sattvārthakriyā-sīla*, 饒益有情戒), còn gọi là “giới nhiếp tất cả chúng sanh” (攝眾生戒, nhiếp chúng sanh giới) hay “giới lợi ích chúng sanh” (眾生益戒) bao gồm các việc lợi ích (諸饒益事).

Ví dụ, dựa vào tinh thần của ba nhóm giới Bồ-tát thì giới không được cố giết mạng sống (故殺戒) thuộc giới nhiếp luật nghi (攝律儀戒), đang khi “nên thường xuyên khởi tâm từ bi, tâm hiếu thuận” (應起常住慈悲心、孝順心) thuộc nhóm giới bao quát các điều thiện pháp (攝善法戒) và “dùng phương tiện cứu độ tất cả chúng sanh” (方便救護一切眾生) thuộc giới làm lợi ích hữu tình (饒益有情戒).

Về phân loại trong ba nhóm tịnh giới của Bồ-tát, dựa vào *Kinh Phạm võng*, có thể khẳng định rằng trong 48 giới nhẹ thì 30 giới nhẹ đầu thuộc về “giới nhiếp thiện pháp” (攝善法戒); 10 giới kế tiếp (giới nhẹ 31-40) thuộc “giới nhiếp chúng sanh” (攝眾生戒). Đang khi trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới* thì 28 giới nhẹ, phần lớn thuộc về “giới nhiếp thiện pháp”, tức các giới nhấn mạnh việc lợi sinh (利生戒).

4. SỐ LƯỢNG VÀ NỘI DUNG GIỚI BỒ-TÁT

Về số lượng điều giới, giới Bồ-tát dành cho người tại gia trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới* (優婆塞戒經) có 6 giới trọng (六重) và 28 giới nhẹ (二十八輕戒), đang khi giới Bồ-tát dành cho người xuất gia trong *Kinh Phạm võng* gồm có 10 giới trọng (十重) và 48 giới nhẹ (四十八輕戒).

Lý do có sự khác biệt về số lượng giới Bồ-tát giữa người xuất gia và người tại gia là do người tại gia bận rộn gia duyên, nghiệp chương nhiều, không thể dành toàn bộ thời gian, tâm huyết, công sức và lý tưởng để trọn vẹn tiếp nhận giới pháp và nhập thể năng động như quý Tăng Ni trong chùa.

6 giới trọng trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới* cũng chính là 6 giới đầu trong danh mục 10 giới trọng trong *Kinh Phạm võng* bao gồm: (1) Không giết hại (不殺生), (2) Không trộm cắp (不偷盜), (3) Không nói dối (不虛說), (4) Không tà dâm (不邪淫), (5) Không được bán

rượu (不酤酒), (6) Không nói dối của bốn cộng đồng tu Phật (不說四眾過). Mười giới trọng của Bồ-tát trong *Kinh Phạm võng* bao gồm: (1) Không giết hại (殺戒), (2) Không trộm cắp (盜戒), (3) Không tà dâm (邪淫戒), (4) Không nói láo (妄語戒), (5) Không bán rượu bia (酤酒戒), (6) Không nói dối của bốn cộng đồng tu Phật (說四眾過戒). Bốn giới trọng còn lại trong *Kinh Phạm võng* bao gồm: (7) Không khen mình chê người (自贊毀他戒), (8) Không cố tình bòn xẻn (故慳戒), (9) Không cố tình sân hận (故瞋戒), (10) Không phi báng Tam bảo (謗三寶戒).

Hai mươi tám giới nhẹ trong *Kinh giới Ưu-bà-tắc* bao gồm như sau: (1) Không chịu cúng dường cha mẹ, sư trưởng (不能供養父母師長), (2) Chìm đắm rượu bia (耽樂飲酒), (3) Không chăm sóc bệnh (噁心不能瞻視病苦), (4) Không chịu tặng biếu cho người xin ăn (有乞者不與), (5) Không đón, lễ lạy, hỏi thăm Tăng Ni (見四眾不能迎拜問訊), (6) Khinh thường Tăng Ni vi phạm giới luật (見四眾毀戒, 心生驕慢), (7) Không giữ tám giới trong sáu ngày trai (月六齋不加受八戒、供三寶), (8) Không đi nghe pháp (不往聽法), (9) Nhận đồ của Tăng (受僧用物), (10) Uống nước có trùng (飲有蟲水), (11) Đến chỗ hiểm nạn (險難獨行), (12) Người nam qua đêm ở chùa của Ni (獨宿尼寺), (13) Đánh người vì của (為財打人), (14) Cúng tặng thức ăn đã để cách đêm (殘食施四眾), (15) Nuôi mèo và cáo (畜貓狸), (16) Nuôi trâu bò dê (畜牛羊等), (17) Không cúng y, bát (不儲蓄三衣鉢杖), (18) Tưới ruộng nước sạch (田溉淨水), (19) Bán không công bằng (物價令平), (20) Làm tình sai chỗ (非處行欲), (21) Trốn nộp thuế quan (偷官稅), (22) Vi phạm pháp luật (犯國制), (23) Không cúng dường Tam bảo với thức ăn mới (新食不供養三寶), (24) Tăng đoàn cầm chỉ, không cho phép làm (不聽僧止作), (25) Không nhường đường cho Tăng Ni đi trước (不路讓僧前), (26) Không công bằng chia thức ăn cúng Tăng (僧食不公分), (27) Không được nuôi tằm (不養蠶), (28) Không ngó bệnh nhân khi đi trên đường (路遇病者, 不往瞻視).

Về số lượng giới nhẹ (輕戒) trong các bản văn kinh giới Bồ-tát thì *Kinh Bồ-tát thiện trì* (菩薩善戒經) có 50 giới, đang khi *Kinh Phạm võng* chỉ có 48 giới. Về nội dung trùng lặp giữa *Kinh Phạm võng* và các kinh khác thì các giới Bồ-tát xuất gia như giới không ăn thịt (giới nhẹ 3), giới không ăn 5 loại thực vật cay nồng (giới nhẹ

4), giới nhận thỉnh mời riêng (giới nhẹ 27), giới nuôi phi pháp (giới nhẹ 32), giới thấy nghe làm ác (giới nhẹ 33), giới giữ tâm kiên trì (giới nhẹ 34) và giới không tự phát nguyện (giới nhẹ 36) rất giống với phẩm tịnh hạnh (聖行品) trong *Kinh Đại-bát niết-bàn* (大般涅槃經). Các giới phụ khác như giới cố ý thỉnh riêng Tăng đoàn (giới nhẹ 28), giới cố tình bỏ giới cấm (giới nhẹ 43) giống với *Kinh Tỷ-kheo ưng cúng pháp hành* (比丘應供法行經). Đang khi giới nói pháp trái với oai nghi (giới nhẹ 46) và giới chế định giới một cách phi pháp (giới nhẹ 47) giống với nội dung của phẩm chúc lụy (囑累品) trong *Kinh Nhân vương hộ quốc Bát-nhã ba-la-mật* (仁王護國般若波羅蜜經).

Về nội dung của 48 giới nhẹ trong *Kinh Phạm võng* và 28 giới nhẹ trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới* thì sự tương đồng nguyên văn là không nhiều. Về sự tương đồng, có các giới như giới “không uống rượu” (飲酒戒, giới nhẹ 2) trong *Kinh Phạm võng* tương đồng với giới “không chìm đắm trong uống rượu” (耽樂飲酒戒, giới nhẹ 2) trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*; giới “không nghe kinh luật” (不聽經律戒, giới nhẹ 7) trong *Kinh Phạm võng* tương đồng với giới “không đến nghe pháp” (不往聽法戒, giới nhẹ 8) trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*. Tương tự, giới “khinh thường sư trưởng” (輕慢師長戒, giới nhẹ 1) trong *Kinh Phạm võng* tương đồng với giới “không đón tiếp, lễ bái tôn trưởng” (不承迎禮拜尊長戒, giới nhẹ 5) trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*. Giới “cố đi đến chỗ hiểm nạn” (故人難處戒, giới nhẹ 37) trong *Kinh Phạm võng* tương đương giới “đi một mình ở chỗ hiểm nạn” (險難獨行戒, giới nhẹ 11) trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*.

Về các giới nhẹ trong *Kinh Phạm võng* có nội dung bao gồm các điều giới nhẹ trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới* có thể dẫn chứng tiêu biểu: Giới “không quan tâm chăm sóc bệnh nhân” (不瞻病苦戒, giới nhẹ 9) trong *Kinh Phạm võng* bao quát giới “không chăm sóc bệnh nhân” (不瞻病苦戒, giới nhẹ 3) và giới “đi đường thấy người bệnh mà bỏ đi” (行路見病捨去戒, giới nhẹ 28) trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*. Giới “không phạm giới cấm” (違禁行非戒, giới nhẹ 30) trong *Kinh Phạm võng* bao gồm giới “không giữ 6 ngày trai” (不持六齋戒, giới nhẹ 7) trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*. Giới “không tổn hại người” (蓄作非法戒, giới nhẹ 32) trong *Kinh Phạm võng* bao gồm giới “không nuôi mèo, cáo” (蓄貓狸戒, giới nhẹ 15) và giới

“mua bán cân đo không đúng” (販賣斗秤不平戒, giới nghe 19) trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*.

Các giới nhẹ không có trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*, mà chỉ có trong *Kinh Phạm võng*, gồm 35 giới: Giới “không phát đại nguyện” (不發大願戒, giới nhẹ 35), “không ăn thịt” (食肉戒, giới nhẹ 3), giới “ăn 5 loại thực vật cay nồng” (食五辛戒, giới nhẹ 4), giới “không dạy sám hối” (不舉教懺戒, giới nhẹ 5), giới “không kính thỉnh pháp” (不敬請法戒, giới nhẹ 6), giới “phản chánh hướng về tà đạo” (背正向邪戒, giới nhẹ 8), giới “cắt giữ hung khí” (畜諸殺具戒, giới nhẹ 10), giới “vào trong quân trại” (通國入軍戒, giới nhẹ 10), giới “buôn bán, tôn giảm tâm từ” (傷慈販賣戒, giới nhẹ 12), giới “vu khống vô căn cứ” (無根謗人戒, giới nhẹ 13), giới “phóng hỏa thiêu hủy” (放火損燒戒, giới nhẹ 14), giới “giáo hóa ngược tông chi” (法化違宗戒, giới nhẹ 15), giới “bùn xin về chia sẻ kinh luật” (惜法規利戒, giới nhẹ 16), giới “cậy quyền quan phủ mà cố xin” (依官強乞戒, giới nhẹ 17), giới “không hiểu biết mà làm thầy” (無知為師戒, giới nhẹ 18), giới “không tranh đấu, vu khống, lừa gạt Thánh hiền” (斗謗欺賢戒, giới nhẹ 19), giới “không thể cứu sự sống” (不能救生戒, giới nhẹ 20), giới “không tâm từ, trả oán” (無慈酬怨戒, giới nhẹ 21), giới “khinh người và pháp” (慢人輕法戒, giới nhẹ 22), giới “khinh người mới cầu học” (輕新求學戒, giới nhẹ 23), giới “quay lưng pháp lớn, hướng về pháp nhỏ” (背大向小戒, giới nhẹ 24), giới “cố thỉnh Tăng riêng” (故別請僧戒, giới nhẹ 28), giới “nghê ác làm hại cuộc sống” (惡伎損生戒, giới nhẹ 29), giới “thấy nguy không cứu” (見厄不救戒, giới nhẹ 31), giới “nghe nhìn việc xấu ác” (觀聽作惡戒, giới nhẹ 33), giới “vững tâm [bồ-đề] bền chắc” (堅持守心戒, giới nhẹ 34), giới “không tự phát thệ nguyện” (不自作誓戒, giới nhẹ 36), giới “ngồi không đúng chỗ ở giữa mọi người” (眾坐乖儀戒, giới nhẹ 38), giới “đáng giảng không giảng” (應講不講戒, giới nhẹ 39), giới “tụng giới sai chỗ” (非處說戒戒, giới nhẹ 42), giới “không kính kinh luật” (不敬經律戒, giới nhẹ 44), giới “không giáo hóa chúng sinh” (不化眾生戒, giới nhẹ 45), giới “thuyết pháp ngược với nghi thức” (說法乖儀戒, giới nhẹ 46), giới “quy định trái pháp” (非法立制戒, giới nhẹ 47), giới “tự phá giáo pháp” (自壞內法戒, giới nhẹ 48).

5. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, CÁCH THỨC THỌ GIỚI VÀ ĐỌC GIỚI BỒ-TÁT

Về đối tượng thọ giới Bồ-tát: Đối tượng có thể tiếp nhận giới Bồ-tát rất đa dạng và thoáng mở, bao gồm các Tỷ-kheo (比丘), Tỷ-kheo-ni (比丘尼), quốc vương (國王), hoàng tử (王子), thủ tướng (宰相), đại thần (大臣), trăm quan (百官), thường dân (庶民), nô tỳ (奴婢), người giới tính thứ ba (黃門), người có hai bộ phận riêng (二根), dâm nam (婬男), dâm nữ (婬女), thần kim cương (金剛神), tám bộ trời rồng (天龍八部), súc sanh (畜生) và người biến hóa (變化人). Dĩ nhiên, trong các loại chúng sanh nêu trên, chỉ có con người là thuận lợi nhất, nghe hiểu được sự truyền giới của giới sư nên việc thọ giới Bồ-tát đối với con người là thích hợp nhất.

Về điều kiện thọ giới Bồ-tát: Người muốn tiếp nhận giới Bồ-tát không được vi phạm 1 trong 7 tội ngăn che (七遮障罪) mới được giới sư truyền giới Bồ-tát (若無七遮者，得與受戒). Bảy tội ngăn che bao gồm: Giết cha (殺父), giết mẹ (殺母), giết A-la-hán (殺阿羅漢), làm thân Phật ra máu (出佛身血), phá hoại việc chuyển xe pháp của Tăng đoàn (破僧輪), giết Hòa thượng (殺和尚), giết A-xà-lê (殺阿闍梨).

Về trình tự thọ giới Bồ-tát: Người thọ giới Bồ-tát không nhất thiết phải trải qua việc nương tựa ba ngôi tâm linh (三皈), năm điều đạo đức (五戒). Trời hay người, Tăng Ni hay Phật tử (人天僧俗), thân phận thuộc nhân đạo (人道), thiên đạo (天道), quỷ thần đạo (鬼神道) hay súc sanh đạo (畜生道) đều được thọ giới Bồ-tát. Chỉ cần nghe hiểu được lời của pháp sư truyền giới thì đều được tiếp nhận giới Bồ-tát (但解戒師語者，盡受得戒).

Về cách thọ giới Bồ-tát, *Kinh Phạm* vãng đề cập hai cách tác pháp thọ giới Bồ-tát gồm tự phát nguyện thọ giới (自誓受) và thọ giới với Tăng đoàn (從師受). Về việc tự thọ giới, *Kinh Phạm* vãng quy định rằng trong phạm vi 1.000 dặm (tương đương 1.600km), nếu không có giới sư (若千里內無受戒師), chỉ cần thành tâm phát nguyện trước ảnh tượng Phật và Bồ-tát, sám hối với đức Phật trong 7 ngày, thấy được các tướng tốt xuất hiện thì đắc giới. Đây là cách tự tiếp nhận giới trước tượng Phật và Bồ-tát (佛菩薩形像前受戒).

Về việc thọ giới với Tăng đoàn thì người tiếp nhận giới Bồ-tát không cần phải thấy tướng hảo, chỉ cần thành tâm lắng nghe, lập theo nguyên văn của giới sư (戒師), tâm tương ứng với đạo (與道相應) là đắc giới.

Về việc đọc giới Bồ-tát: *Kinh Phạm võng* dạy rằng mỗi nửa tháng vào ngày bồ-tát (P. *Upoṣadha*, S. *upavasatha*, 布薩日), người mới thọ giới Bồ-tát (新學菩薩) phải đọc giới pháp của Phật (自誦諸佛法戒) gồm 10 giới trọng và 48 giới nhẹ (十重四十八輕) đối với người xuất gia, hoặc 6 giới nặng và 28 giới nhẹ đối với cư sĩ tại gia theo *Kinh Ưu-bà-tắc giới*. Nếu 1 người bồ-tát thì 1 người tụng. Nếu nhiều người bồ-tát thì thỉnh cử 1 người đọc tụng, số người còn lại ngồi lắng tâm nghe. Ngày nay, do giới bản được ấn tống nhiều nên tất cả cùng đọc tụng giới Bồ-tát càng tốt. Thông thường để tôn kính giới, người đọc giới ngồi ở tòa cao hơn, người nghe giới ngồi theo thứ tự giới phẩm và tuổi hạ ở vị trí thấp hơn (誦者高座, 聽者下座).

Về việc sám hối do phạm giới Bồ-tát: Đối với người phạm giới Bồ-tát, *Kinh Phạm võng* quy định rằng người phạm 10 giới trọng (hay 6 giới trọng trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*) phải sám hối trước tượng Phật và Bồ-tát, ngày đêm sáu thời, đọc tụng tất cả 58 giới (đối với người xuất gia) hoặc 34 giới đối với cư sĩ được quy định trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*). Trong quá trình thành tâm sám hối trước hàng ngàn Phật trong ba đời, nếu người phạm giới Bồ-tát nhìn thấy các tướng hảo như đức Phật đến xoa đầu (佛來摩頂), hoa ánh sáng (光華) v.v... thì biết rằng tội đã thuyên giảm và dần dần tội sẽ kết thúc.

6. ÁN TỔNG VÀ TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC

Để giúp các Phật tử sử dụng sách này có thể đọc tụng *Giới bốn Bồ-tát tại gia* trong những ngày bồ-tát tại các chùa, Quỹ Đạo Phật Ngày Nay của chùa Giác Ngộ ấn tống hàng chục ngàn quyển này. Các Phật tử vui lòng liên lạc với chùa Giác Ngộ theo địa chỉ bìa sách, hoặc đăng ký trực tiếp trên trang www.quydaophatngaynay.com

Để hoàn thành ấn phẩm này, tôi tán dương và tri ân đệ tử của tôi là Ngô Tánh Hạnh đã tận tụy trợ giúp tôi trong việc đối chiếu,

dò bản, biên tập bản thảo. Cảm ơn TT. Giác Hoàng đã đọc bản thảo và chỉnh sửa chính tả. Tôi tán dương các Phật tử đã phát tâm cúng dường để ấn bản này được phổ biến rộng rãi, giúp quý Tăng Ni giữ gìn giới luật, tu tập hạnh thánh, trở thành các vị chân sư có giá trị và hữu ích qua sứ mệnh: “Phụng sự nhân sinh, tốt đời đẹp đạo” và “sáng soi đạo pháp, hộ quốc an dân.”

Xin hồi hướng công đức của việc ấn tống quyển giới bổn Bồ-tát tại gia này đến sự thanh tịnh, hòa hợp và lớn mạnh của cộng đồng Phật giáo tại Việt Nam và trên toàn cầu, nhờ đó, Phật giáo được hưng thịnh, góp phần mang lại phúc lợi và an lạc cho con người.

Chùa Giác Ngộ
Tháng 6, 2021
THÍCH NHẬT TỪ

LỜI NÓI ĐẦU CỦA ĐẠI SƯ ẤN QUANG¹

Tất cả kinh Phật và các loại sách xiển dương Phật pháp chẳng qua giúp người hướng thiện, tránh ác, làm mới bản thân, quay về nẻo thiện, hiểu rõ [bản chất] nhân quả ba đời, nhận rõ tánh Phật vốn đủ, thoát khỏi biển khổ sinh tử [luân hồi], vãng sinh về cõi Cực-lạc [của Phật]. Người đọc cần phải khởi tâm biết ơn, có nghĩa rằng đây là việc khó gặp.

Nên đôi tay ta cần phải sạch sẽ, bàn đẽ kinh sách cũng phải sạch sẽ, dốc lòng thành kính, đối diện Phật trời, như có người thầy đang dạy dỗ mình. Lợi ích vô số, tự mình đích thân chiêm nghiệm điều đó. Nếu ai phóng túng và không kiêng sợ, tùy tiện xem thường, bo bo giữ gìn hiểu biết nông cạn, vu khống làm bậy, tội lớn thấu trời, mãi chước quả khổ. Tôi khuyên người đời nên xa tội lỗi, tìm sự lợi lạc, lia các điều khổ, sống trong an vui.

¹ Trích lục từ “Lời nói đầu” trong “Nghị thức niệm tụng của chùa Linh Nham Sơn”, quyển 4, chương 3 trong sách *Văn sao của Đại sư Ấn Quang* (恭錄自《印光大師文鈔三編卷四：靈巖山寺念誦儀規題辭》).

- 1 -

NGHI THỨC DẪN NHẬP

1.1. KỆ TẬP HỌP¹ (集眾偈)

(Giọng chuông, chủ lễ đánh trống hoặc đánh khánh ba cái, niệm xong đánh tiếp ba cái)

Hàng phục sức ma oán
 Dứt phiền não, không còn
 Chuông khánh vang khắp chốn
 Bò-tát nghe quang lâm
 Những ai muốn nghe pháp
 Vượt qua biển sinh tử
 Nghe tiếng vang màu này
 Tập họp về nơi đây.

1.2. KỆ CUNG THỈNH (恭攝偈)

(Vào Phật đường, nghi thức bắt đầu, chủ lễ chấp tay niệm bài sau đây)

¹ Hàng phục ma oán lực, trừ kiết tận vô dư, lộ địa kích kiên-trùy, Bò-tát văn đương tập, chư dục văn pháp nhân, độ lưu sinh tử hải, văn thử diệu âm hưởng, tận đương diệu âm hưởng (降伏魔怨力, 除結盡無餘, 露地擊犍槌, 菩薩聞當集, 諸欲聞法人, 度流生死海, 聞此妙音響, 盡當雲集此).

Giữ giới thanh tịnh như trăng tròn
Thân miệng trắng sạch, không vết nhơ
Mọi người hòa hợp, không tranh chấp
Cùng có mặt tụng giới² trang nghiêm.

1.3. SÁM HỐI³ (懺悔)

Kính bạch Tam bảo trong khắp mười phương.
Hôm nay, ngày rằm⁴ hoặc ngày cuối tháng,⁵ đệ
tử chúng con Bồ-tát tại gia kính dâng lên lời sám
hối như sau:

*(Đại chúng cùng niệm, áp dùi vào chuông, gõ nhẹ vào
chuông, gõ chuông vang lên)*

Con đã gây ra bao lỗi lầm
Bằng lời, hành động hay tư duy
Tham lam, giận dữ và ngu si
Con hướng về Phật xin sám hối. *(ba lần)*

1.4. LẠY THỈNH TỤNG GIỚI (禮請誦戒)

*(Đến chỗ tụng giới của các cư sĩ, trước tiên xá chào, sau
mới phát ngôn)*

Cư sĩ tâm từ bi, tụng giới cho mọi người. (người
đại diện nói)

² Trì giới thanh tịnh như mãn nguyệt, thân khẩu hiệu khiết vô hà uế, đại chúng hoà hợp vô vi tránh, nhĩ nãi khả đắc đồng Bồ-tát (持戒清淨如月，身口皎潔無瑕穢，大眾和合無違諍，爾乃可得同布薩).

³ Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp, giai do vô thủy tham sân si, tòng thân ngữ ý chi sở sinh, kim đối Phật tiền cầu sám hối (往昔所造諸惡業，皆由無始貪嗔癡，從身語意之所生，今對佛前求懺悔).

⁴ Có thể tụng vào ngày 14 âm lịch.

⁵ Hắc bạch nguyệt (黑白月), theo lịch Âm Độ cổ đại thì từ ngày rằm trở về trước gọi là bạch nguyệt (白月), sau ngày rằm là hắc nguyệt (黑月).

Việc tụng giới luật này, đúng ngay việc của tôi. (người tụng giới nói)

(Tiếp theo, hai hàng cư sĩ ở hai bên, xá chào lẫn nhau và quay về đức Phật xá một lạy.)

1.5. KỆ TÁN LÒ HƯƠNG⁶ (爐香讚)

Lò hương vừa bén chiên đàn
Tỏa xông pháp giới đạo tràng mười phương
Hiện thành mây báu cát tường
Xin Phật chứng giám tâm hương chí thành
Pháp thân các Phật tịnh thanh
Chứng minh hương nguyện pháp lành rưới ban
Nam-mô Hương Vân Cái Bồ-tát. (3 lần)

1.6. KỆ GIỌNG CHUÔNG⁷ (鐘聲偈)

(Người niệm chấp tay, mọi người buông tay)

Tiếng chuông vang trong cõi Hoa Tạng
Pháp Phật lan rộng cõi vi trần
Công đức, cầu hòa bình thế giới
Lợi ích, trả bốn ân đức dày.

⁶ Lư hương sạ nhiệt, pháp giới mông huân, chư Phật hải hội tất diêu văn, tùy xứ kiết tường vân. Thành ý phương ân, chư Phật hiện toàn thân. Nam-mô Hương Vân Cái Bồ-tát ma-ha-tát (爐香乍爇，法界蒙熏。諸佛海會悉遙聞，隨處結祥雲。誠意方殷，諸佛現全身。南無香雲蓋菩薩摩訶薩)。

⁷ Chung thính biến Hoa Tạng giới nội, Phật pháp dương trần sát quốc trung, công huân kỳ thế giới hòa bình, lợi ích báo tứ ân hậu đức (鐘聲徧華藏界內，佛法揚塵剎國中，功勳祈世界和平，利益報四恩厚德)。

1.7. KỆ KHAI KINH⁸ (開經偈)

Giới Bồ-tát sạch⁹ khó được nghe
 Trải qua vô số trăm ức¹⁰ kiếp
 Thọ trì, đọc tụng cũng như thế
 Theo lời tu hành còn khó hơn.
 Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật (3 lần).

1.8. KỆ RẢI HOA¹¹ (散灑供養偈)

(*Cư sĩ trẻ tuổi làm việc rải hoa, một mình chủ lễ chấp tay niệm*)

Rải hoa trang nghiêm, ánh sáng rực
 Làm màn hoa báu đẹp trang nghiêm
 Rải các hoa báu khắp mười phương
 Cúng dường tất cả các Như Lai.¹²

⁸ Bồ-tát tịnh giới nan đắc văn, kinh u vô lượng câu-chi kiếp, đọc tụng thọ trì diệc như thị, như thuyết tu hành giả canh nan (菩薩淨戒難得聞。經於無量俱脂劫。讀誦受持亦如是。如說修行者更難)。

⁹ Tam tụ tịnh giới (S. *tri-vidhāni śīlāni*, 三聚淨戒), ba nhóm giới thanh tịnh (三聚清淨戒, tam tụ thanh tịnh giới), còn gọi là “tam tụ viên giới” (三聚圓戒), ba nhóm giới trọn vẹn, hay đơn giản hơn “tam tụ giới” (三聚戒) là ba nhóm giới. Ba nhóm giới Bồ-tát (菩薩三聚戒, Bồ-tát tam tụ giới): (i) Nhiếp luật nghi giới (S. *sajvara-śīla*, 攝律儀戒) còn gọi là “giới tự tánh” (自性戒, tự tánh giới) hay “tất cả giới Bồ-tát” (一切菩薩戒, nhất thiết Bồ-tát giới) gồm 10 giới nghiêm trọng và 48 giới nhẹ đối với người xuất gia, đối với Bồ-tát tại gia gồm có 6 giới trọng và 28 giới nhẹ, có chức năng dứt trừ tất cả điều ác, (ii) Giới gồm các điều lành (S. *kuśala-dharma-sajgrāhaka-śīla*, 攝善法戒, nhiếp thiện pháp giới), còn gọi là “giới tiếp nhận pháp lành” (受善法戒, thọ thiện pháp giới), nghĩa là tu tập tất cả pháp lành (修習一切善法) gồm sáu ba-la-mật (六波羅蜜), (iii) Giới làm lợi lạc hữu tình (S. *sattvārtha-kriyā-śīla*, 饒益有情戒), còn gọi là “giới nhiếp tất cả chúng sanh” (攝眾生戒, nhiếp chúng sanh giới) hay “giới lợi ích chúng sanh” (眾生益戒) bao gồm các việc lợi ích (諸饒益事)。

¹⁰ Câu-chi (S. *koṭi*, 俱脂), trăm ức. Chẳng hạn, câu “thất câu-chi Phật mẫu đại thánh Chuẩn-đề Vương Bồ-tát” (七俱脂佛母大聖准提王菩薩) có nghĩa là bảy trăm ức Phật mẫu đại thánh Chuẩn-đề Vương Bồ-tát.

¹¹ Tán hoa trang nghiêm tịnh quang minh, trang nghiêm bảo hoa dĩ vi trưởng, tán chúng bảo hoa biến thập phương, cúng dường nhất thiết chư Như Lai (散花莊嚴淨光明, 莊嚴寶花以為帳, 散眾寶花徧十方, 供養一切諸如來)。

¹² Như Lai (S. *tathāgata*, 如來), bậc đến và đi như vậy.

1.9. KỆ THẬP HƯƠNG¹³ (行香偈)

(Chủ lễ niệm, một cư sĩ khác thắp hương)

Hương giới, hương định, hương giải thoát
Đài mây sáng rực khắp mười phương
Cúng dường đức Phật khắp các cõi
Hiểu thấu xông khắp đạt chân thường.

1.10. KỆ XIN CHỈ DẠY (請指示偈)

(Người tụng dâng lên lời thưa sau, mọi người còn lại cùng chấp tay)

Cúi đầu, kính lạy.¹⁴ Kính thưa quý vị, quý vị
bảo tôi, thay mặt mọi người đọc tụng giới luật,
tôi e sợ có nhầm lẫn, thiếu sót. Nguyên người
tụng chung, từ bi chỉ dạy.

1.11. LỜI TỰA TỤNG GIỚI (誦戒序)

(Người tụng giới đọc và cùng chấp tay)

(Các vị Bồ-tát tại gia lắng nghe)

Quy mạng¹⁵ Phật Lô-xá-na¹⁶

Các Phật trong định kim cương

¹³ Giới hương định hương giải thoát hương, quang minh vân đài biến thập phương, cúng dường thập phương vô lượng Phật, kiến văn phổ huân chứng chơn thường (戒香定香解脫香，光明雲臺徧十方，供養十方無量佛，見聞普熏證真常).

¹⁴ Hòa nam (P=S. *vandana*, 和南), kính lạy.

¹⁵ Quy mạng (歸命) đồng nghĩa với “quy y” (歸依), dịch từ chữ “nam-mô” (S. *namo*, 南無) có nghĩa là quay về nương tựa.

¹⁶ Lô-xá-na (S. *Locana*, 盧舍那) có nghĩa là Tịnh Mãn (淨滿). Phật Lô-xá-na (S. *Locana Buddha*, 盧舍那佛) là đức Phật báo thân, với thân tướng trang nghiêm, khi thành tựu quả vị Phật do trải qua nhiều kiếp tu trọn vẹn sáu hoàn hảo (六度, lục độ).

Các cõi khắp trong mười phương¹⁷
 Đánh lễ vua các bộ luận
 Sau thành Thế Tôn Di-lặc¹⁸
 Nay con tụng ba nhóm giới¹⁹
 Bồ-tát hãy cùng lắng nghe.²⁰

Giới như ngọn đèn sáng tỏ²¹
 Xua tan bóng tối đêm trường.
 Giới như gương báu chân thật²²
 Soi rõ mọi vật, không dư.

¹⁷ Thập phương Kim Cương Phật (十方金剛佛), Phật Kim Cương ở mười phương. Tất cả đức Phật đều nhập vào định Kim Cương trong mười phương thế giới nhằm chặt đứt phần vô minh vi tế sau cùng, thành bậc chánh đẳng giác.

¹⁸ Từ Thị (慈氏) được dịch từ chữ Sanskrit “*Maitreya*” (彌勒, Di-lặc). Ngài xuất thân trong gia đình Bà-la-môn ở phía nam Ấn Độ, là Bồ-tát bồ xú, sẽ thành Phật trong đời vị lai. Tương truyền Ngài là tổ sáng tác các luận Đại thừa, như *Du-già sư địa luận* (瑜伽師地論) v.v... Sau đó, các vị như Bồ-tát Mã Minh (馬鳴菩薩), Bồ-tát Long Thọ (龍樹菩薩)... thay thế Ngài thuật lại. Vì thế, Ngài Di-lặc được tôn xưng là chúa tiền luận (前論主).

¹⁹ Ba nhóm giới (S. *tri-vidhāni sīlāni*, 三聚戒, tam tụ giới) còn gọi “tam tụ tịnh giới” (三聚淨戒), gồm: (i) Nhiếp luật nghi giới (S. *saṃvara-sīla*, 攝律儀戒), tức không giới luật và oai nghi nào mà không giữ, (ii) Nhiếp thiện pháp giới (S. *kuśala-dharma-saṃgrāhaka-sīla*, 攝善法戒), tức không điều thiện gì mà không tu. Thiện ở đây chỉ cho rộng tu muôn hạnh thuộc sáu hoàn hảo; (iii) Nhiếp chúng sinh giới (S. *sattvārtha-kriyā-sīla*, 攝眾生戒), sau khi chấm dứt điều ác, trọn vẹn điều thiện, làm lợi ích và độ khắp chúng sinh, không sót một ai.

²⁰ Quy mạng Lô-xá-na, thập phương Kim Cương Phật, diệc lễ tiền luận chủ, đương giác Từ Thị tôn, kim thuyết tam tụ giới, Bồ-tát hàm cộng thính (歸命盧舍那。十方金剛佛。亦禮前論主。當覺慈氏尊。今說三聚戒。菩薩咸共聽)。

²¹ Giới như ngọn đèn sáng tỏ (戒如大明燈, giới như đại minh đăng) chỉ cho giới Bồ-tát cao cả, to lớn này được tuôn ra từ mảnh đất tâm, có thể phá được bóng tối vô minh từ sinh tử vô thủy, như ngọn đèn sáng của thế gian (世之明燈, thế chi minh đăng) thân nhiếp tất cả các giới luật và oai nghi.

²² Giới như gương báu chân thật (戒如真實鏡, giới như chân bảo cảnh) chỉ cho giới Bồ-tát này như chiếc gương quý báu, có thể giúp người tu nhận thức, phân biệt được điều gì ngăn cấm, dừng lại (止), điều gì được gìn giữ (持), điều gì được làm (作), điều gì hễ làm là vi phạm (犯) đối với tất cả mọi việc tốt xấu, không sót điều nào. Như *Giới bốn Tỳ-kheo* ghi: “Như người tự soi gương, xấu hay đẹp liền khởi tâm vui buồn” (如人自照鏡。好醜生欣感, như nhân tự chiếu cảnh, hảo xú sinh hân thích).

Giới như hạt châu như ý²³
 Tặng cho, cứu người bần cùng.²⁴
 Không nhiễm đời, mau thành Phật
 Chỉ có pháp này số một.²⁵
 Vì thế người tu Bồ-tát
 Cần phải hộ trì siêng năng.²⁶

Các vị, thiện nam,²⁷ tín nữ²⁸ nên lắng lòng nghe. Khi Phật qua đời, trong thời tượng pháp, [làm đệ tử Phật] phải nên tôn kính giới luật Phật dạy.²⁹ Khi giữ giới luật như trong bóng tối được gặp ánh sáng, như người nghèo khó nhận được của báu, như người bệnh nặng được thoát khỏi

²³ Ma-ni (S. *maṇi*, 摩尼), ngọc như ý, là vua trong các loại châu báu. Tương truyền rằng hạt châu ma-ni có nguồn gốc từ cung rồng. Nếu ai sở hữu được ngọc như ý thì muốn gì được đó.

²⁴ Rưới ban cứu người bần cùng (雨物濟貧窮, vũ vật tế bần cùng) chỉ cho giới Bồ-tát như hạt châu như ý mưa xuống các pháp lành như tài sản Thánh để cứu giúp những chúng sinh trong cơn chết đói bởi phiền não, vô minh, tăng trưởng trí tuệ tuyệt vời (妙慧), thiên định thù thắng (勝定).

²⁵ Chỉ có pháp này tốt bậc (唯此法為最, duy thử pháp vi tối). Sở dĩ, giới Bồ-tát có vị trí cao vời như vậy do các Bồ-tát lấy ba nhóm giới thanh tịnh (三聚淨戒, tam tụ tịnh giới) làm đầu.

²⁶ Giới như đại minh đăng. Năng tiêu trừ dục ái. Giới như chân bảo cảnh. Chiếu pháp tận vô di. Giới như ma-ni châu. Vũ vật tế bần cùng. Ly thế tức thành Phật. Duy thử pháp vi tối. Thị cố chư-bồ tát. Ứng đương cần hộ trì. (戒如大明燈。能消長夜闇。戒如真寶鏡。照法盡無遺。戒如摩尼珠。雨物濟貧窮。離世速成佛。唯此法為最。是故諸菩薩。應當勤護持)。

²⁷ Ưu-bà-tắc (S. *Upāsaka*, 優婆塞) hoặc Ô-ba-sách-ca (鄔波索迦), thường dịch là cận sự nam (近事男), hay thiện nam (善男) hay cư sĩ (居士) gần gũi, phụng sự Tam bảo và giữ gìn năm giới.

²⁸ Ưu-bà-di (S. *Upāsikā*, 優婆夷), hoặc Ô-ba-tư-ca (鄔波斯迦) thường dịch là cận sự nữ (近事女), hay tín nữ (信女) gần gũi, phụng sự Tam bảo và giữ gìn năm giới.

²⁹ Ba-la-đề-mộc-xoa (P. *Pātimokkha*, S. *Pratimokṣa*, 波羅提木叉), thường dịch là “giới bản” (戒本) hoặc “giới kinh” (戒經), tức sách quy định về các điều khoản giới luật đối với Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni.

bệnh, cũng như phạm nhân thoát khỏi ngục tù, như người đi xa được trở về nhà. Nên biết giới luật là thầy mọi người. Nếu Phật còn sống cũng không dạy khác các giới luật này.³⁰ Khó sinh tâm sợ, khó phát tâm thiện nên kinh dạy sau: “Đừng xem thường tội nhỏ cho là không có, giọt nước tuy nhỏ chứa lâu đầy bình. Tạo những tội nặng trong khoảng sát-na đọa ngục vô gián. Khi mất thân người, muôn kiếp khó được thân người trở lại.”³¹

Hình sắc, tướng trạng không ngừng [thay đổi] như con ngựa bay. Mạng người vô thường nhanh hơn nước non. Hôm nay tuy sống, mai khó bảo toàn. Mỗi người các con hãy nên một lòng tinh tấn tu hành, chớ có giải đãi, lười biếng, ngủ nghỉ, buông lung. Khuya thì nhiếp tâm nhớ về Tam bảo, chớ để thời gian trôi qua vô ích, vô công, vất vả, đời sau hối hận.” Mỗi người các con một lòng cẩn trọng, nương vào giới này, tu hành đúng pháp, nên phải học tập.”³²

³⁰ Trì thủ giới thời như ám ngộ minh, như tham đắc bảo, như bệnh đắc sai, như tù hệ xuất ngục, như viễn hành giả đắc quy. Đương trì thủ tắc thị chúng đặng đại sư. Nhược Phật trụ thế vô dị thủ dã. (持此戒時如暗遇明、如貧得寶、如病得差、如囚繫出獄、如遠行者得歸。當知此則是眾等大師，若佛住世無異此也)。

³¹ Vật khinh tiểu tội vi vô ương. Thủy dịch tuy vi tiêm doanh đại khí. Sát-na tạo tội ương đọa vô gián. Nhất thất nhân thân, vạn kiếp vô phục (勿輕小罪以為無殃，水滴雖微漸盈大器。剎那造罪殃墮無間，一失人身萬劫不復)。

³² Tráng sắc bất định do như bôn mã, nhân mệnh vô thường quá ư sơn thủy, kim nhật tuy tồn minh diệt nan bảo. Chúng đặng các các nhất tâm cần tu tinh tiến, thận vật giải đãi lân nọa thủy miên tung ý, dạ tức nhiếp tâm tòn niệm Tam bảo. Mạc dĩ không

Này các cư sĩ! Hôm nay ngày rằm (hoặc ngày mười bốn), hoặc ngày cuối tháng làm lễ tụng giới BỒ-tát tại gia. Mọi người nên phải một lòng khéo nghe. Ai có tội thì nên phát lồ. Ai không có tội thì giữ im lặng. Do vì im lặng nên biết mọi người đều đã thanh tịnh, tụng giới BỒ-tát. Chúng tôi tụng xong lời tựa của giới BỒ-tát tại gia. Nay tôi xin hỏi tất cả cư sĩ. Mọi vị trong đây đều thanh tịnh không? (*Hỏi đến ba lần, cứ mỗi lần hỏi thì gõ vào khánh*)



quá đồ thiết bì lao, hậu đại thâm hối.” Chúng đấng các các nhất tâm cẩn y thủ giới, như pháp tu hành, ung đương học (壯色不停猶如奔馬，人命無常過於山水，今日雖存明亦難保。眾等各各一心勤修精進，慎勿懈怠懶惰睡眠縱意，夜即攝心存念三寶。莫以空過徒設疲勞，後代深悔。』眾等各各一心謹依此戒，如法修行，應當學).

- 2 -

KINH GIỚI BỒ-TÁT¹ CHO NGƯỜI TẠI GIA²

Giới Bồ-tát này dành cho cư sĩ tại gia đọc tụng nửa tháng một lần. Trong Giới bốn này, cụm từ “này các đệ tử” thay thế các thiện nam (Ưu-bà-tắc)³ và bao gồm các tín nữ (Ưu-bà-di).⁴

¹ Bồ-tát (菩薩) gọi đầy đủ “Bồ-đề-tát-đỏa” (P. *bodhisatta*, S. *bodhisattva*, 菩提薩埵) nghĩa là chúng sinh đang đi trên con đường giác ngộ (覺有情, giác hữu tình), trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh. Thuật ngữ “Bồ-tát” được dịch là “đại sĩ” (大士) như Quan âm đại sĩ (觀音大士). Trong Thượng tọa bộ, thuật ngữ “Bồ-tát” chỉ cho đức Phật-Thích-ca trong sáu năm tâm đạo và các kiếp quá khứ hành Bồ-tát đạo của Ngài. Về sau, Bồ-tát là quả vị chứng đắc, cao hơn quả vị A-la-hán và được triển khai rộng trong nền văn học Phật giáo Đại thừa. Tiêu biểu nhất là *Kinh Hoa Nghiêm* giới thiệu 52 giai đoạn tu của Bồ-tát (thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, Diệu giác, Đẳng giác). Ai đang đi trên con đường giác ngộ, làm lành lánh dữ, chuyển hóa thanh tịnh tâm, truyền bá Phật pháp, biết san sẻ cho những mảnh đời cơ nhỡ bất hạnh thì đều được gọi là Bồ-tát sống giữa đời thường.

² Bản văn này vốn là phẩm *Thọ giới* thứ 14, thuộc quyển 3 trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới* (優婆塞戒經) trích từ mục [1049a27] đến mục [1050b09]. Chúng tôi mạnh dạn đổi lại thành *Kinh Giới bốn Bồ-tát cho người tại gia*. Đây có thể gọi là giới bốn Bồ-tát cư sĩ tại gia (在家居士菩薩戒本). Nguyên tác chữ Hán [truy cập ngày 23/05/2021]: https://tripitaka.cbeta.org/T24n1488_003

³ Ưu-bà-tắc (P=S. *upāsaka*, 優婆塞) hoặc Ô-ba-sách-ca (邬波斯迦), thường dịch là cận sự nam (近事男), hay thiện nam (善男) hay cư sĩ (居士) gần gũi, phụng sự Tam bảo và giữ gìn năm điều đạo đức.

⁴ Ưu-bà-di (S. *upāsikā*, 優婆夷), hoặc Ô-ba-tư-ca (邬波斯迦) thường dịch là cận sự nữ (近事女), hay tín nữ (信女) gần gũi, phụng sự Tam bảo và giữ gìn năm giới.

I. SÁU GIỚI TRỌNG (六重戒)

1.1 Giới trọng thứ 1:⁵ Không giết sự sống (不殺生)

[1049a27] Nay các đệ tử,⁶ thọ giới Bồ-tát,⁷ dù vì mạng mình cũng không nên giết [các loài động vật], dù chỉ con kiến. Nếu miệng bảo giết, hoặc đích thân giết thì [Phật tử] đó mất giới Bồ-tát. Người vi phạm giới, ngay cả pháp âm⁸ còn không đạt được, hưởng hồ chứng đắc quả Tu-đà-hoàn,⁹ quả A-na-hàm.¹⁰ Đó được gọi là cư sĩ phá giới,¹¹

⁵ Điều khoản giới này có đề cập ở giới trọng thứ nhất trong *Kinh Phạm Võng Bồ-tát giới* với 2 chi tiết sau: (i) Đích thân giết hoặc dạy bảo người khác giết, (ii) Đối tượng được giết là tất cả các loài động vật.

⁶ Nguyên văn: “Thiện nam tử” (善男子), người nam lương thiện. Trong bản văn này, tôi dịch thoát nghĩa “nay các đệ tử” để mọi người hiểu rằng đức Phật dạy các điều giới này cho mình.

⁷ Nguyên văn: “Ưu-bà-tắc giới” (優婆塞戒), giới Ưu-bà-tắc. Trong bản văn này, có nghĩa là “giới Bồ-tát tại gia.” Trong toàn bản văn, “Ưu-bà-tắc giới” đều được đổi thành “giới Bồ-tát.”

⁸ Noãn pháp (暖法), pháp âm. Đây là một trong bốn pháp tu gia hạnh (S. *pra-yoga*, 加行瑜伽) của tông Du-già Duy thức (瑜伽行唯識學派). Ba pháp còn lại là “đảnh” (頂), “nhẫn” (忍) và “thế đệ nhất” (世第一法). Theo *Luận Duy thức* (唯識論), “pháp âm” là trạng thái nương vào ánh sáng để được định, quán chiếu không chấp thủ (觀無所取). Giữ lửa đạo này để tiếp tục tiến tu các hạnh Bồ-tát. Nói đơn giản hơn, pháp âm là phần sơ khởi của hạnh tu Bồ-tát.

⁹ Tu-đà-hoàn (S. *śrotāpanna*, P. *sotāpanna*, C. 須陀洹), đi vào dòng Thánh (入流: Nhập lưu) hoặc (預流: Dự lưu). Đây là quả Thánh đầu tiên, người đã chặt đứt hết mọi sự kiến hoặc (見或).

¹⁰ A-na-hàm (S. *anāgāmin*, 阿那含), không trở lại cuộc đời này nữa (不來, bất lai). Đây là quả thứ ba trong bốn Thánh quả của Thanh văn. Những người này đã chấm dứt chín phẩm phiền não trong cõi dục, không còn tái sinh trong cõi dục mà sinh vào cõi sắc giới và cõi vô sắc.

¹¹ Thị danh phá giới Ưu-bà-tắc (是名破戒優婆塞), gọi là Ưu-bà-tắc phá giới.

cư sĩ hôi thối,¹² cư sĩ thấp kém,¹³ cư sĩ như ướ, ¹⁴ cư sĩ bị trói.¹⁵ Đây là nội dung giới trọng thứ nhất.

1.2. Giới trọng thứ 2:¹⁶ Không được trộm cắp (不偷盜)

Này các đệ tử, thọ giới Bồ-tát dù vì mạng mình cũng không trộm cắp [tài sản người khác] dù chỉ một tiền.¹⁷ Nếu phá giới này thì [Phật tử] đó mất giới Bồ-tát. Người phạm giới này, ngay cả pháp âm còn không đạt được, hưởng hồ chúng đắc quả Tu-đà-hoàn, quả A-na-hàm. Đó được gọi là cư sĩ phá giới, cư sĩ hôi thối, cư sĩ thấp kém, cư sĩ như ướ, cư sĩ bị trói. Đây là nội dung giới trọng thứ hai.

1.3. Giới trọng thứ 3:¹⁸ Không được nói láo (不虛說)

¹² Xú ưu-bà-tắc (臭優婆塞), cư sĩ nam hôi thối.

¹³ Chiên-đà-la ưu-bà-tắc (旃陀羅優婆塞) cư sĩ nam như giai cấp nô dịch. Chiên-đà-la (S. *caṇḍāla*, 旃陀羅) là giai cấp cùng đinh, thấp nhất của xã hội Ấn Độ ngày xưa. Người nam gọi là Chiên-đà-la (旃陀羅), người nữ gọi là Chiên-đà-lợi (旃陀利).

¹⁴ Cầu ưu-bà-tắc (垢優婆塞), cư sĩ nam cầu ướ.

¹⁵ Kết ưu-bà-tắc (結優婆塞), cư sĩ nam bị trói buộc.

¹⁶ Điều khoản giới này đề cập một phần của giới trọng thứ hai trong *Kinh Phạm võng Bồ-tát giới* với 2 chi tiết sau: (i) Đích thân trộm hoặc dạy bảo người khác trộm cắp, (ii) Đối tượng được trộm cắp là tất cả của cải. Nếu Bồ-tát xuất gia dù một cây kim hay một cọng cỏ không được lấy thì Bồ-tát tại gia không được trộm cắp dù một tiền.

¹⁷ Tương đương 16 tiền đồng của đời Đường thuộc Trung Quốc cổ đại.

¹⁸ Việc nói dối được đề cập ở giới trọng 4, trong *Kinh Phạm võng Bồ-tát giới* theo nghĩa chung chung, đang khi giới Bồ-tát tại gia không cho cư sĩ nói dối tự ngôn chứng Thánh và việc này không đề cập đối với Giới Bồ-tát xuất gia. Việc này được đề cập trong giới Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni.

Này các đệ tử, thọ giới Bồ-tát dù vì mạng mình không nói dối gạt: “Tôi chứng đắc được phép quán bất tịnh, cho đến chứng đắc quả A-na-hàm.” Nếu phạm giới này thì [Phật tử] đó mất giới Bồ-tát. Người phạm giới này, ngay cả pháp âm còn không đạt được, hưởng hồ chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, quả A-na-hàm. Đó được gọi là cư sĩ phá giới, cư sĩ hôi thối, cư sĩ thấp kém, cư sĩ như ếch, cư sĩ bị trói. Đây là nội dung giới trọng thứ ba.

1.4. Giới trọng thứ 4:¹⁹ Không được tà dâm (不邪淫)

Này các đệ tử, thọ giới Bồ-tát dù vì mạng mình không được tà dâm. Nếu phạm giới này thì [Phật tử] đó mất giới Bồ-tát. Người phạm giới này, ngay cả pháp âm còn không đạt được, hưởng hồ chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, quả A-na-hàm. Đó được gọi là cư sĩ phá giới, cư sĩ hôi thối, cư sĩ thấp kém, cư sĩ như ếch, cư sĩ bị trói. Đây là nội dung giới trọng thứ tư.

1.5. Giới trọng thứ 5:²⁰ Không được rêu rao

¹⁹ Điều khoản giới này trùng giới trọng 3 trong *Kinh Phạm võng Bồ-tát giới* ở chỗ khuyến khích người tu không dâm dục. Tuy nhiên, người xuất gia là hoàn toàn từ bỏ dâm dục đang khi người tại gia bị giới hạn ở chỗ không ngoại tình. Vì họ vẫn còn đời sống sinh hoạt một vợ một chồng.

²⁰ Điều khoản giới này có nội dung trùng với giới trọng 6, trong *Kinh Phạm võng Bồ-tát giới* ở chỗ không rêu rao lỗi của người khác.

lỗi của bốn chúng (不說四眾過罪)

Này các đệ tử, thọ giới Bồ-tát dù vì mạng mình không được rêu rao tội, lỗi lầm²¹ của Tăng Ni, Phật tử. Nếu phạm giới này thì [Phật tử] đó mất giới Bồ-tát. Người phạm giới này, ngay cả pháp âm còn không đạt được, hưởng hồ chúng đắc quả Tu-đà-hoàn, quả A-na-hàm. Đó được gọi là cư sĩ phá giới, cư sĩ hôi thối, cư sĩ thấp kém, cư sĩ như uest, cư sĩ bị trói. Đây là nội dung giới trọng thứ năm.

1.6. Giới trọng thứ 6:²² Không bán rượu bia (不沽酒)

Này các đệ tử, thọ giới Bồ-tát dù vì mạng mình không được buôn bán các loại rượu [bia]. Nếu phạm giới này thì [Phật tử] đó mất giới Bồ-tát. Người phạm giới này, ngay cả pháp âm còn không đạt được, hưởng hồ chúng đắc quả Tu-đà-hoàn, quả A-na-hàm. Đó được gọi là cư sĩ phá giới, cư sĩ hôi thối, cư sĩ thấp kém, cư sĩ như uest, cư sĩ bị trói. Đây là nội dung giới trọng thứ sáu.

[1049b24] Này các đệ tử! Những người thọ giới Bồ-tát tại gia hãy gắng giữ gìn, không để vi phạm bất cứ giới nào thì gặt hái được quả của giữ giới.

²¹ Quá tội (過罪), tội và lỗi lầm.

²² Điều khoản giới này trùng giới trọng 5 của *Kinh Phạm võng Bồ-tát giới*.

Này các đệ tử! Các giới Bồ-tát cho người tại gia gọi là Anh Lạc, hoặc là Trang Nghiêm, hương đó vi diệu, xông khắp các cõi, ngăn che điều ác, là pháp luật tốt, tức là kho báu tuyệt vời tối cao, mang dòng dõi của bậc đẳng cấp cao, chỗ tịch tịnh lớn, là vị sương ngọt, đất sinh điều lành. Thắng phát tâm này còn được lợi ích vô số như vậy; huống hồ một lòng giữ giới, không phạm!

II. HAI MƯƠI TÁM GIỚI NHẸ (二十八輕戒)

2.1 Giới nhẹ thứ 1:²³ Không chịu cúng dường cha mẹ, sư trưởng (不能供養父母師長)

Này các đệ tử, theo lời Phật dạy: “Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia]²⁴ mà không cúng dường, cha mẹ, sư trưởng, phạm tội vô tâm,²⁵ đừng tu không tiến,²⁶ rơi xuống [đường ác],²⁷ [giới hạnh] không sạch,²⁸ tạo nghiệp [sinh tử].²⁹”

²³ Điều khoản giới này có đề cập chi tiết nhỏ trong giới nhẹ 1 của *Kinh Phạm võng Bồ-tát giới* ở chỗ phải có tâm cung kính và hiểu thuận với thầy mình.

²⁴ Nhược Ưu-bà-tắc thọ trì giới dĩ (若優婆塞受持戒已), nếu Ưu-bà-tắc đã tiếp nhận giới [Bồ-tát] rồi. Trong toàn bản văn này, tôi dùng cụm từ thống nhất “người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia]” thay thế cho cụm từ trên.

²⁵ Thất ý (失意), vô tâm, sơ ý. Đây là trạng thái đánh mất chánh niệm và mất ý niệm thiện.

²⁶ Bất khởi (不起), không tiến trên đường đạo, xa hơn nữa là khó chứng đắc các Thánh quả.

²⁷ Đọa lạc (墮落) chỉ cho rơi xuống ba đường ác. Theo tôi, với những nghiệp nhân không tốt thì sẽ tái sinh trong môi trường xấu.

²⁸ Bất tịnh (不淨) ở ngữ cảnh này chỉ cho giới hạnh không thanh tịnh.

²⁹ Hữu tác (有作) ở ngữ cảnh này chỉ cho tạo ra nghiệp nhân trong sinh tử luân hồi.

2.2 Giới nhẹ thứ 2:³⁰ Chìm đắm rượu bia (耽樂飲酒)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] mà mê vui chơi, uống các rượu [bia], phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

2.3 Giới nhẹ thứ 3:³¹ Không chăm sóc³² bệnh (噁心不能瞻視病苦)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] do vì ác tâm không chịu chăm sóc bệnh nhân khổ đau, phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

2.4 Giới nhẹ thứ 4: Không chịu tặng biếu cho người xin ăn (有乞者不與)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] thấy người ăn xin mà không tùy nghi³³ tặng biếu ít nhiều [phẩm vật], để họ về không,³⁴ phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

³⁰ Điều khoản giới này có nội dung chính trùng với giới nhẹ 2 trong *Kinh Phạm võng Bồ-tát giới* ở chỗ không uống rượu [bia].

³¹ Điều khoản giới này có một phần nội dung tương tự với giới nhẹ 9 thuộc *Kinh Phạm võng Bồ-tát giới* ở chỗ chăm sóc người bị bệnh tật.

³² Chiêm thị (瞻視), nhòm ngó. Ở đây có nghĩa là quan tâm, chăm sóc.

³³ Tùy nghi (隨宜), tùy theo hoàn cảnh; tùy theo thuận lợi mà làm một cách phù hợp.

³⁴ Khiển hoàn (遣還), quay về.

2.5 Giới nhẹ thứ 5:³⁵ Không đón, lễ lạy, hỏi thăm Tăng Ni (見四眾不能迎拜問訊)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] thấy quý Tăng Ni, tôn túc, trưởng lão, mà không đứng dậy, nghênh đón, lễ lạy, hỏi thăm [cung kính], phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử]. Trường hợp không phạm: Nếu có bệnh nặng, hoặc nhập vào định trong lúc ngồi thiền, ngồi nghe nói pháp.

2.6 Giới nhẹ thứ 6: Khinh thường Tăng Ni vi phạm giới luật (見四眾毀戒，心生驕慢)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] thấy quý Tăng Ni, tôn túc, trưởng lão vi phạm giới luật đã được tiếp nhận, khởi tâm kiêu mạn, rằng mình hơn họ, họ không bằng mình, phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

2.7. Giới nhẹ thứ 7:³⁶ Không giữ tám giới trong sáu ngày trai (月六齋不加受八戒、供三寶)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] mà không

³⁵ Điều khoản giới này có một phần nội dung tương tự với giới nhẹ 1 của *Kinh Phạm Vông Bồ-tát giới* ở chỗ phải đứng dậy lễ lạy, hỏi thăm thầy mình.

³⁶ Điều khoản giới này có một phần nội dung tương tự với giới nhẹ 30 của *Kinh Phạm vông Bồ-tát giới* ở chỗ vi phạm giới luật trong sáu ngày trai.

nhận giữ tám phần trai giới³⁷ trong sáu ngày trai,³⁸ phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

2.8. Giới nhẹ thứ 8:³⁹ Không đi nghe pháp (不往聽法)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] không thể đến nghe chỗ có giảng pháp trong bốn mươi dặm, phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

2.9. Giới nhẹ thứ 9: Nhận đồ của Tăng (受僧用物)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] tiếp nhận đồ dùng của Tăng bốn phương⁴⁰ như dụng cụ nằm,⁴¹ giường nằm, ghế ngồi, phạm tội vô tâm,

³⁷ Bát giới (八戒) còn gọi “bát trai giới” (八齋戒), “bát quan giới” (八關齋), “bát chi giới” (八支齋) là tám điều đạo đức, dành cho người tập sự xuất gia trong 24 giờ, bao gồm: (i) Không giết hại sự sống (不殺生, bắt sát sinh); (ii) Không lấy của không cho (不與取, bắt dử thủ); (iii) Không được dâm dục (不非梵行, bắt phi phạm hạnh); (iv) Không nói lời hư dối (不虛誑語, bắt hư cuống ngữ); (v) Không uống rượu [bia] (不飲酒, bắt ẩm tửu); (vi) Không thoa hương, trang sức, xem nghe ca múa (不塗飾鬘舞歌觀聽, bắt đồ sức man vũ ca quan thính); (vii) Không nằm và ngồi trên giường cao rộng, đẹp (不眠坐高廣嚴麗床上, bắt miên toạ cao quảng nghiêm lệ sàng thượng), (viii) Không ăn trái giờ (不非時食, bắt phi thời thực).

³⁸ Nhất nguyệt chi trung bất năng lục nhật (一月之中不能六日), không thể giữ được sáu ngày trong một tháng.

³⁹ Điều khoản giới này có nội dung chính tương tự với giới nhẹ 7 của *Kinh Phạm võng Bồ-tát giới* ở chỗ không đi nghe giảng pháp.

⁴⁰ Chiêu-đề Tăng (S. *caturdeśa*, 招提僧), đồ của Tăng du phương.

⁴¹ Ngọa cụ (P. *sayanāsana*, S. *śayanāsana*, 臥具), dụng cụ nằm.

đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].⁴²

2.10. Giới nhẹ thứ 10: Uống nước có trùng (飲有蟲水)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] nghi⁴³ nước có trùng mà cố uống vào, phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

2.11. Giới nhẹ 11:⁴⁴ Đến chỗ hiểm nạn (險難獨行)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] một mình đi đến những chỗ hiểm nạn, không bạn đồng hành, phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

2.12. Giới nhẹ 12: Người nam qua đêm ở chùa của Ni (獨宿尼寺)

Người nam thọ giới [Bồ-tát tại gia] một mình qua đêm ở chùa của Ni, phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

⁴² Nếu chưa phải thành viên Tăng đoàn thì không nên nhận. Trường hợp không phạm: Tam dùng đồ vật trong chùa.

⁴³ Nếu nghi thì hãy quan sát thật kỹ (疑則應諦觀), hoặc dùng đồ lọc nước (應用濾囊) để lọc vi trùng.

⁴⁴ Điều khoản giới này có một phần nội dung tương tự với giới nhẹ 37 của *Kinh Phạm võng Bồ-tát giới* ở chỗ không được đi vào những chỗ hiểm nạn, khôn khéo.

2.13. Giới nhẹ 13: Đánh người vì của (為財打人)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] chỉ vì mạng sống, hoặc vì tài sản, chửi mắng đánh đập nô tỳ, tớ nhỏ,⁴⁵ hay những người ngoài,⁴⁶ phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

2.14. Giới nhẹ 14: Cúng tặng thức ăn đã để cách đêm (殘食施四眾)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] cúng tặng thức ăn qua đêm cho quý Tăng, Ni, phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

2.15. Giới nhẹ 15:⁴⁷ Nuôi mèo và cáo (畜貓狸)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] nuôi mèo và cáo, phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

2.16. Giới nhẹ 16: Nuôi trâu, bò, dê (畜牛羊等)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] nuôi các gia

⁴⁵ Nô tỳ, đồng bộc (奴婢, 童僕), nô tỳ và đây tớ nhỏ.

⁴⁶ Ngoại nhân (外人), người ngoài; người dung; người khác đạo; người ngoại quốc.

⁴⁷ Điều khoản giới này có một phần nội dung tương tự với giới nhẹ 32 của *Kinh Phạm võng Bồ-tát giới* ở chỗ không nuôi mèo và cáo.

súc⁴⁸ và động vật như voi, ngựa, bò, dê, lạc đà, hoặc lừa; không làm tịnh thí,⁴⁹ xin tiếp nhận giới, phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

2.17. Giới nhẹ 17: Không cúng y, bát (不儲蓄三衣鉢杖)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] nếu không dành dụm⁵⁰ [dâng cúng Tăng đoàn] y,⁵¹ bát,⁵² tích trượng,⁵³ phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

2.18. Giới nhẹ 18: Tưới ruộng nước sạch (田溉淨水)

⁴⁸ Súc thú (畜獸), gia súc.

⁴⁹ Tịnh thí (P. *vikappana*, S. *vikalpana*, 淨施), bố thí trong sạch, còn gọi là tác tịnh (作淨), thuyết tịnh (說淨). Tịnh thí gồm 2 loại: (i) Chân thực tịnh thí (真實淨施) là thí xả đồ vật cho người khác ở giữa Tăng đoàn một cách chân thật, (ii) Triển chuyển tịnh thí (輾轉淨施), sau khi làm biểu quyết, tự cất giữ phẩm vật.

⁵⁰ Trữ súc (儲蓄), dành dụm, để dành, tiết kiệm.

⁵¹ Ba y (S. *trin civarani*, 三衣, tam y) của Tỳ-kheo bao gồm: (i) Tăng-già-lê (P=S. *savghāṭī*, 僧伽梨), đại y, (ii) Uất-đa-la-tăng (P=S. *uttarāsvga*, 鬱多羅僧), thượng y, (iii) An-đà-hội (S. *antarvāsa*, P. *antaravāsa*, 安陀會), nội y. Đối với Tỳ-kheo-ni thì có thêm hai y: (i) Tăng-kỳ-chi (P. *savkacchā*, S. *sajkaksikā*, 僧祇支), y che nách, (ii) Quyết-tu-la (S. *kusūla*, 厥修羅), quần.

⁵² Bát-đa-la (P. *patta*, S. *pātra*, 鉢多羅) thường được dịch “ứng lượng khí” (應量器) nghĩa là dụng cụ đo lường [sức ăn của người hành khất]. Khi sử dụng bát cần chú ý 3 điều sau: (i) Về mặt chất liệu, bát chỉ được làm từ sắt hoặc sành, không được dùng bát bằng vàng, bạc, đồng, gỗ v.v... bảy thứ báu, (ii) Về màu sắc, bát được hun từ khói thuốc hoặc dầu mè, (iii) Về thể tích, dựa vào sức ăn của mỗi người mà phân ra ba loại bát: Lớn, vừa, nhỏ. Loại bát lớn nhất không được hơn ba thăng, loại nhỏ nhất không được quá nửa thăng.

⁵³ Tích trượng (錫杖), biểu tượng thiên tướng của một vị Sa-môn.

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] vì mạng sống mình, tưới tiêu ruộng nương,⁵⁴ không dùng nước sạch và chỗ ruộng khô,⁵⁵ phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

2.19. Giới nhẹ 19:⁵⁶ Bán không công bằng (物價令平)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] vì mạng sống mình, giao dịch, mua bán, cân đo⁵⁷ bán đồ, một khi báo giá thì không được phép xóa bỏ giá cũ đã thỏa hiệp trước,⁵⁸ bỏ đi giá rẻ bán với giá mắc.⁵⁹ Khi cân đo đồ, để cho người bán tự do cân đo. Nếu ta thấy có sự gian lận thì bảo người bán chỉnh [cân đôn] ngay lại.⁶⁰ Nếu không làm vậy, phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

⁵⁴ Cái điền tác giả (溉田作者), người làm việc tưới tiêu ruộng nương.

⁵⁵ Lục chủng xứ (陸種處), chỉ cho chỗ để trồng trọt thường là đất gò, ruộng khô.

⁵⁶ Điều khoản giới này có một phần nội dung tương tự với giới nhẹ 32 của *Kinh Phạm võng Bồ-tát giới* ở chỗ buôn bán cân thiếu.

⁵⁷ Đầu xưng (鬥稱), dụng cụ cân đo đồ đạc.

⁵⁸ Tiền khước (前卻), tiền thoái (進退). Ở ngữ cảnh này xóa bỏ giá mà hai bên (người bán và người mua) đã thỏa hiệp, giao kèo trước đó.

⁵⁹ Xả tiện thú quý (捨賤趣貴) tức bỏ đi giá rẻ mà bán với giá mắc hơn.

⁶⁰ Nguyên văn chữ Hán: Đầu xưng lượng vật nhậm tiền bình dụng, như kỳ bất bình, ứng ngữ令平, khi cân đo đồ, để cho người bán trước mặt tự do cân đo. Nếu ta thấy có sự gian lận trong lúc cân đo, thì bảo người bán chỉnh [cân đôn] ngay lại hoặc ít ra lên tiếng rằng cô chú hãy bán một cách công tâm.

2.20. Giới nhẹ 20: Làm tình sai chỗ (非處行欲)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] làm tình trái giờ, sai chỗ, phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

2.21 Giới nhẹ 21: Trốn nộp thuế quan (偷官稅)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia], làm nghề doanh nghiệp, buôn bán, kinh doanh, trốn thuế bỏ đi, phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

2.22. Giới nhẹ 22: Vi phạm pháp luật (犯國制)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia], vi phạm pháp luật, phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

2.23. Giới nhẹ 23: Không cúng dường Tam bảo với thức ăn mới (新食不供養三寶)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] được những ngũ cốc, trái cây, dưa quả, rau cải, rau khô,⁶¹ mới mà không dâng, cúng dường Tam bảo, tự mình hưởng trước, phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

⁶¹ Như (茹), rau khô (乾菜).

2.24. Giới nhẹ 24: Tăng đoàn cấm chỉ, không cho phép làm (不聽僧止作)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] chưa được cho phép của Tăng đoàn, tự tiện thuyết pháp,⁶² khen ngợi⁶³ [Tăng Ni], phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

2.25. Giới nhẹ 25: Không nhường đường cho Tăng Ni đi trước⁶⁴ (不路讓僧前)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] đi ở phía trước [năm nhóm xuất gia]: Các vị Tỳ-kheo,⁶⁵ [hoặc Tỳ-kheo-ni⁶⁶], hoặc các Sa-di, [hoặc Sa-di-ni], [hoặc các Thức-xoa] trên các tuyến đường, phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

⁶² Sở dĩ, cư sĩ không được tùy tiện thuyết pháp ở giữa mọi người là vì họ chưa qua trường lớp Phật học, chưa nắm vững hết được những lời dạy của Kinh và Luật thì khi nói ra sẽ làm rối người nghe.

⁶³ Khen ngợi những điều tích cực là đáng được khích lệ nhưng có một số vị tu hành cảm thấy bản thân chưa đạt đến tâm không bám vào thứ gì thì họ thường có thái độ im lặng không nhận, thậm chí ngăn người khác đừng khen.

⁶⁴ Đây là trường hợp khi ta đi cùng với năm nhóm người xuất gia. Đối với người cư sĩ tại gia nói chung và người thọ giới Bồ-tát nói riêng thì đây là việc làm không tôn kính Tam bảo. Vì vô tình chúng ta làm trở ngại bước đi và tầm nhìn của các ngài. Thay vào đó ta phải đi ở phía sau với tâm cung kính.

⁶⁵ Tỳ-kheo (P. *Bhikkhu*, S. *Bhikṣu*, 比丘) tức những người nam xuất gia đã thọ giới Cụ-túc và giữ 250 giới.

⁶⁶ Tỳ-kheo-ni (P. *Bhikkhunī*, S. *Bhikṣunī*, 比丘尼) tức những người nữ xuất gia đã thọ giới Cụ-túc và giữ 348 giới.

2.26. Giới nhẹ 26: Không công bằng chia thức ăn cúng Tăng (僧食不公分)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] chọn đồ ăn ngon lạ, hoặc dâng quá phần cho sư phụ mình khi dâng thức ăn lên cho Tăng đoàn, phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

2.27. Giới nhẹ 27: Không được nuôi tằm⁶⁷ (不養蠶)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] nuôi tằm [kiếm sống] phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

2.28. Giới nhẹ 28:⁶⁸ Không ngó bệnh nhân khi đi trên đường (路遇病者，不往瞻視)

Người đã thọ giới [Bồ-tát tại gia] khi đi trên đường, thấy gặp bệnh nhân, không chịu đến nơi quan tâm, [chăm sóc], dùng các cách thức, gửi nơi viện trợ⁶⁹ mà bỏ mặt đi, phạm tội vô tâm, đường tu không tiến, rơi xuống [đường ác], [giới hạnh] không sạch, tạo nghiệp [sinh tử].

⁶⁷ Việc nuôi tằm kiếm sống đã vô tình giết chết vô số những con nhộng tằm qua việc nấu kén tằm.

⁶⁸ Điều khoản giới này có một phần nội dung tương tự với giới nhẹ 9 của *Kinh Phạm võng Bồ-tát giới* ở chỗ gặp bệnh nhân trên các tuyến đường.

⁶⁹ Phó chúc sở tại (付囑所在), gửi [người bệnh] đến nơi được chữa trị, chăm sóc, giúp đỡ.

[1050b06] Nay các đệ tử! Nếu cư sĩ nào dốc lòng giữ gìn giới luật như vậy thì người này là đóa hoa sen trắng⁷⁰ trong các cư sĩ; hương thơm thượng hạng, vi diệu trong các cư sĩ; hoa sen thanh tịnh trong các cư sĩ. Người đó chính là trân báu đích thực, là bậc trượng phu trong các cư sĩ.

[1050b09] Nay các đệ tử! Như lời Phật dạy, hai loại Bồ-tát: Một, người tại gia. Hai, người xuất gia. Bồ-tát xuất gia gọi là Tỳ-kheo. Bồ-tát tại gia là người cư sĩ. Bồ-tát xuất gia giữ giới xuất gia, không gì khó khăn. Bồ-tát tại gia giữ giới tại gia thì mới là khó. Vì sao như thế? Người tại gia đa phần bị ràng buộc bởi hoàn cảnh xấu.



⁷⁰ Phân-đà-lợi hoa (S. *punḍarīka*, 分陀利花), hoa sen trắng.

- 3 -

SÁM NGUYỆN

3.1. KỆ KẾT NGHI THỨC (結偈)

Người sáng suốt mạnh mẽ
 Trí tuệ và kham nhẫn
 Trong lúc chưa thành Phật
 Đạt được năm lợi ích:
 Một, mười phương các Phật
 Thương xót, thường bảo hộ.
 Hai, khi sắp qua đời
 Chánh kiến, tâm hoan hỷ.
 Ba, sinh ra chỗ nào
 Làm bạn các Bồ-tát.
 Bốn, đủ các công đức
 Thành tựu các giới hạnh.
 Năm, đời này, đời sau
 Đủ phước huệ, giới tánh.
 Đây là chỗ của Phật

Bậc trí khéo tư duy
 Người chấp tướng, chấp ngã
 Không thể tin pháp này.
 Người chứng pháp Nhị thừa
 Chẳng phải chỗ uơm mầm.
 Muốn nẩy mầm bồ-đề
 Ánh sáng soi thế gian
 Nên quan sát thật kỹ
 Tướng chân thật các pháp
 Không sinh cũng không diệt
 Không thường cũng không dứt
 Không một cũng không khác
 Không đến cũng không đi
 Trong cõi lòng như vậy
 Tìm cách, siêng trang nghiêm.
 Điều Bồ-tát nên làm
 Cần phải tuần tự học
 Chớ khởi nghĩ phân biệt
 Là con đường bậc nhất
 Cũng gọi là Đại thừa.
 Tất cả chỗ hý luận
 Đều do đây mà diệt
 Nhất thiết trí của Phật
 Đều sinh ra từ đây.
 Vì thế các Phật tử
 Phát khởi tâm dũng mãnh

Giữ giới sạch của Phật
 Như giữ hạt châu sáng.
 Các Bồ-tát quá khứ
 Đã học giới pháp này
 Người vị lai sẽ học
 Người hiện đời đang học
 Đây là hành xứ Phật
 Chỗ bậc Thánh khen ngợi
 Ta đã tùy thuận nói
 Nhóm vô lượng phước đức
 Hướng đến khắp chúng sinh
 Cùng về nhất thiết trí
 Nguyên người nghe pháp này
 Mau chóng được thành Phật.

3.2. KINH TINH HOA TRÍ TUỆ¹

Quán Tự Tại² thực hành trí tuệ,
 Bát-nhã ba-la-mật sáng ngời,
 Bảy giờ Bồ-tát quán soi,
 Thấy rằng năm uẩn ba đời đều không. O
 Vượt tất cả các vòng khổ ách,

¹ Tựa đề bài kinh bằng Sanskrit: “*Prajñā Pāramitā Hridaya Sūtra*”. Ngài Curu-ma-la-thập dịch là “*Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật đại minh chú kinh*” (摩訶般若波羅蜜大明咒經). Ngài Huyền Tráng dịch là “*Bát-nhã Ba-la-mật-đa tâm kinh*” (般若波羅蜜多心經), gọi tắt là “*Bát-nhã tâm kinh*” (般若心經) hoặc ngắn hơn là “*Tâm kinh*” (心經). Chúng tôi dịch là “*Kinh Tinh hoa trí tuệ*”.

² Nguyên văn Sanskrit “*Avalokiteśvara Bodhisattva*”, ngài Curu-ma-la-thập dịch là Quán Thế Âm Bồ-tát (觀世音菩薩) trong khi ngài Huyền Tráng dịch là Quán Tự Tại Bồ-tát (觀自在菩薩).

Hãy nghe này, Xá-lợi-phất³ ông!
 Sắc nào có khác gì không,
 Không nào khác sắc, sắc không vốn đồng. O
 Cả thọ, tưởng, thức, hành cũng thế,
 Tánh chân không các pháp viên thành
 Thấy đều chẳng diệt, chẳng sanh,
 Chẳng nhớ, chẳng sạch, chẳng tăng giảm gì. O
 Trong chân không chẳng hề có sắc,
 Chẳng thọ, tưởng, hành, thức trong không.
 Mắt, tai, mũi, lưỡi, ý, thân,
 Sắc, thanh, vị, xúc, pháp, hương không còn. O
 Không nhãn thức đến không ý thức,
 Không vô minh hoặc hết-vô-minh,
 Không điều già chết chúng sanh,
 Hết già, hết chết thực tình cũng không.
 Không trí huệ cũng không chứng đắc,
 Bởi có gì là chỗ đắc đâu.
 Bảy lâu Bồ-tát dựa vào,
 Trí ba-la-mật, thăm sâu thực hành,
 Mọi chướng ngại quanh mình tan biến,
 Mọi việc đều chẳng khiến hoảng kinh,
 Xa lìa mộng tưởng đảo điên,
 Niết-bàn rốt ráo an nhiên thanh nhàn. O

³ Ngài Cưu-ma-la-thập dịch là “Xá-lợi-phất” (P. *Sāriputta*, S. *Śāriputra*, 舍利弗). Ngài Huyền Tráng dịch là “Xá-lợi tử” (舍利子). Sở dĩ tôn giả được đặt tên này là vì khi sinh ra, mắt của ngài như chim Xá-lợi nên tôn giả này được mệnh danh là trí tuệ đệ nhất, một trong mười vị đại đệ tử của đức Phật.

Bát-nhã ấy rõ ràng trí tuệ,
 Mà ba đời chư Phật nương vào,
 Chứng thành quả giác tối cao,
 Nên xem Bát-nhã thâm sâu đó là: O
 Lời thần chú sâu xa bậc nhất,
 Lời chú thần rất mực quang minh,
 Chú thần cao cả anh linh,
 Là lời thần chú thật tình cao siêu,
 Trừ dứt được mọi điều đau khổ,
 Đúng như vậy muôn thuở không sai.
 Ngài liền tuyên nói chú này,
 Để người trì niệm sáng bày chơn tâm: O
 Ga-tê Ga-tê Pa-ra-ga-tê Pa-ra-san-ga-tê Bô-
 dhi Sva-ha.⁴ (3 lần) OOO

3.3. NIỆM PHẬT⁵

Thân Phật thanh tịnh như lưu ly
 Mặt Phật tựa như vàng trắng sáng
 Phật ở thế gian thường cứu khổ
 Tâm Phật từ bi khắp muôn nơi.

⁴ Nguyên văn Sanskrit của câu thần chú: “Gate, Gate, Pāragate, Pārasaṃgate, Bodhi Svāhā”. Ngài Cưu-ma-thập phiên âm bằng Hán văn: “Kiệt đế, kiệt đế, ba-la-kiệt-đế, ba-la-tăng-kiệt-đế, bô-đề-tăng-sa-ha” (竭帝, 竭帝, 波罗竭帝, 波罗僧竭帝, 菩提, 僧莎呵) trong khi ngài Huyền Tráng phiên âm bằng Hán văn: “Yết-đế, yết-đế, ba-la-yết-đế, ba-la-tăng-yết-đế, bô-đề-tát-bà-ha” (揭谛, 揭谛, 波罗揭谛, 波罗僧揭谛, 菩提萨婆诃). Chúng tôi tận dụng âm tiếng Việt, một ngôn ngữ có thể phiên âm hầu hết các âm thanh trên thế giới để phiên âm câu chú.

⁵ Nguyên văn bài kệ tán Phật: “Phật thân thanh tịnh tự lưu ly, Phật diện do như mãn nguyệt huy. Phật tại thế gian thường cứu khổ, Phật tâm vô xứ bất từ bi” (佛身清淨似琉璃, 佛面猶如滿月輝。佛在世間常救苦, 佛心無處不慈悲)

Nam-mô Ta-bà giáo chủ, tam giới Đạo sư, tứ sinh Từ phụ, nhân thiên Giáo chủ, thiên bá ức hoá thân, Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Nam mô Thiên hoa đài thượng Lô-xá-na Phật.
(3 lần) O

Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật (18 lần) O

Nam-mô Đại trí Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát (3 lần) O

Nam-mô Đại hạnh Phổ-hiền Bồ-tát (3 lần) O

Nam-mô Hộ pháp chư Tôn Bồ-tát (3 lần) O

Nam-mô Phạm Võng Hội thượng Phật Bồ-tát.
(3 lần) OOO

3.3. HỒI HƯƠNG CÔNG ĐỨC

Tụng giới tu tập, phước tăng,
Xin đem hồi hương xa gần, khắp nơi.
Nguyện cho tất cả trời người,
Đều vào cõi Phật, sáng ngời chân tâm. O

Nguyện trừ ba chương trầm luân,
Sống trong trí tuệ, tịnh thanh cõi lòng.
Nguyện cho tội nghiệp tiêu mòn,
Noi theo Bồ-tát làm tròn tám gương. O

Nguyện sanh cõi tịnh Tây phương,
Mẹ cha: Chín phẩm sen vàng nêu danh,
Hoa cười, chứng ngộ vô sanh,
Cùng hàng Bồ-tát đồng hành tâm linh. O

Nguyện đem công đức tạo thành,
 Hướng về tất cả chúng sanh mọi loài,
 Rãi ban hạnh phúc muôn nơi,
 Giúp người giác ngộ, an vui đạo mầu.

(3 xá) OOO

3.4. ĐÁNH LỄ BA NGÔI BÁU

Con xin nương tựa Phật,
 Bậc Phước Trí Viên Thành,
 Cầu tất cả chúng sanh
 Giác ngộ, phát tâm lành. (1 lạy) O

Con xin nương tựa Pháp,
 Nguồn tuệ giác, từ bi,
 Cầu tất cả chúng sanh
 Hiểu đạo, tỏ nguồn tâm. (1 lạy) O

Con xin nương tựa Tăng,
 Đoàn thể sống an vui,
 Cầu tất cả chúng sanh
 Hòa hợp, thương mến nhau. (1 lạy) O



PHỤ LỤC
 KINH GIỚI ƯU-BÀ-TẮC
 BẢNG CHỮ HÁN

[1049a27] 『善男子！優婆塞受持戒已，雖為天女乃至蟻子，悉不應殺。若受戒已，若口教殺、若身自殺，是人即失優婆塞戒，是人尚不能得煖法，況須陀洹至阿那含？是名破戒優婆塞，臭、優婆塞、旃陀羅優婆塞、垢優婆塞、結優婆塞，是名初重。優婆塞戒，雖為身命，不得偷盜乃至一錢，若破是戒，是人即失優婆塞戒，是人尚不能得煖法，況須陀洹至阿那含？是名破戒優婆塞，臭、旃陀羅、垢、結優婆塞，是名二重。優婆塞戒，雖為身命，不得虛說我得淨觀至阿那含。若破是戒，是人即失優婆塞戒，是人尚不能得煖法，況須陀洹至阿那含？是名破戒優婆塞，臭、旃陀羅、垢、結優婆塞，是名三重。優婆塞戒，雖為身命，不得邪淫。若破是戒，是人即失優婆塞戒，是人尚不能得煖法，況須陀洹至阿那含？是名破戒優婆塞，臭、旃陀羅、垢、結優婆塞，是名四重。優婆塞戒，雖為身命，不得宣說比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷所有過罪。若破是戒，是人即失優婆塞戒，是人尚不能得煖法，況須陀洹至阿那含？是名破戒優婆塞，臭、旃陀羅、垢、結優婆塞，是名五重。優婆塞戒，雖為身命，不得酤酒，若破是戒，是人即失優婆塞戒，是人尚不能得煖法，況須陀洹至阿那含？是名破戒優婆塞，臭、旃陀羅、垢、結優婆塞，是名六重。

[1049b24] 「『善男子！若受如是優婆塞戒，能至心持不令毀犯，則能獲得如是戒果。善男子！優婆塞戒名為瓔珞，名為莊嚴，其香微妙，熏無邊界，遮不善法，為善法律，即是無上妙寶之藏，上族種姓，大寂靜處，是甘露味，生善法地。直發是心尚得如是無量利益，況復一心受持不毀！

[1049c01] 「『善男子！如佛說言：若優婆塞受持戒已，不能供養父母、師長，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，耽樂飲酒，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，污惡不能瞻視病苦，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，見有乞者，不能多少隨宜分與，空遣還者，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，若見比丘、比丘尼、長老，先宿諸優婆塞、優婆夷等，不起承迎、禮拜、問訊，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，若見比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，毀所受戒，心生憍慢，言我勝彼，彼不如我，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，月月之中，不能六日受持八戒，供養三寶，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，四十里中有講法處，不能往聽，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，受招提僧臥具床座，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，疑水有虫，故便飲之，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，嶮難之處無伴獨行，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，獨宿尼寺，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，為於財命，打罵奴婢、僮僕、外人，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，若以殘食施於比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，若畜貓狸，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，畜養象、馬、牛、羊、駝、驢一切畜獸，不作淨，施未受戒者，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，若不儲畜僧伽梨衣、淨有作。若優婆塞受持戒已，若為身命須田作者，不求淨水及陸稼處，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，為於身命，若作市易斗秤賣物，一說價已，不得前却捨賤趣貴；斗秤量物任前平用，如其不平，應語令平，若不如是，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，若於非處、非時行欲，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，商估販賣，不輸官稅，盜棄去者，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，若犯國制，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，若得新穀，果菰塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，僧若不聽說法讚歎，輒自作者，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，道路若在諸比丘前、沙彌前行，是優婆塞得失意罪，不起墮落，

不淨有作。若優婆塞受持戒已，僧中賦食，若偏為師選擇美好過分與之，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，若養蠶者，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。若優婆塞受持戒已，行路之時，遇見病者，不住瞻視，為作方便付囑所在而捨去者，是優婆塞得失意罪，不起墮落，不淨有作。

[1050b06] 「『善男子！若優婆塞至心能受持如是戒，是人名為優婆塞中分陀利花，優婆塞中微妙上香，優婆塞中清淨蓮花，優婆塞中真實珍寶，優婆塞中丈夫之人！

[1050b09] 「『善男子！如佛所說菩薩二種：一者、在家，二者、出家。出家菩薩名為比丘，在家菩薩名優婆塞。出家菩薩持出家戒，是不為難；在家菩薩持在家戒，是乃為難。何以故？在家之人多惡因緣所纏繞故。』」



VÀI NÉT VỀ THẦY NHẬT TỪ

Thượng tọa Thích Nhật Từ, sinh năm 1969, giác ngộ chân lý Phật vào năm 1984, thọ giới Tỳ-kheo năm 1988, tốt nghiệp tiến sĩ Triết học tại Đại học Allahabad, Ấn Độ, 2001. Thầy Nhật Từ là nhà cải cách Phật giáo hiện đại, nhà hoằng pháp, người chủ trương nhập thế, nhà diễn thuyết, nhà thơ, người sáng tác nhạc, sáng lập Đạo Phật Ngày Nay từ năm 2000, chủ trương nhập thế, phụng sự nhân sinh qua giáo dục, hoằng pháp, văn hóa và từ thiện.

Thầy Nhật Từ là tác giả của hơn 80 đầu sách Phật học, là Tổng biên tập Tam tạng thánh điển Phật giáo Việt Nam (gần 100 tập), chủ biên Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay (hơn 250 quyển), chủ biên sách nói Phật giáo, sáng tác hơn 300 nhạc khúc Phật giáo. Thầy Nhật Từ giảng pháp cho cộng đồng Việt Nam ở Hoa Kỳ, Canada, châu Úc, châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan với hơn 5.000 video pháp thoại về nhiều chủ đề.

Thầy Nhật Từ có công kết nối Phật giáo Việt Nam với Phật giáo trên thế giới qua các Hội nghị thượng đỉnh Phật giáo thế giới, Hội thảo Phật đản LHQ và các Hội thảo Phật giáo quốc tế tại Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Trung Quốc, Nhật Bản... Thầy Nhật Từ là người vận động đưa Vesak LHQ về Việt Nam, làm Phó Tổng thư ký Đại lễ Vesak LHQ năm 2006, 2007, 2014, 2019 và thư ký Đại lễ Vesak LHQ năm 2008. Thầy là thành viên sáng lập Liên minh Phật giáo thế giới, Ấn Độ.

Nhờ những đóng góp to lớn về giáo dục, thầy Nhật Từ nhận được 5 bằng tiến sĩ danh dự của Mahamakut University năm 2010, Mahachulalongkornraja-vidyalaya University năm 2016, Apollos

University năm 2016, Swami Vivekanand Subharti University năm 2019, Preah Sihanoukrajia University năm 2019.

Thầy Nhật Từ nhận bằng khen của Thủ tướng Việt Nam năm 2008, năm 2019 và nhận nhiều giải thưởng, danh hiệu cao quý khác: Giải thưởng “Lãnh đạo xuất sắc Phật giáo thế giới” của Tăng vương Thái Lan năm 2015; Danh hiệu “Người thấp đước Diệu pháp” của Chính phủ Miến Điện năm 2015; Giải thưởng nhà lãnh đạo xuất sắc Phật giáo thế giới của World Alliance of Buddhist Leaders năm 2017; Giải thưởng Nhà giáo toàn cầu của Trường Đại học Swami Viveknand Subharti năm 2018, Giải thưởng về giáo dục và nghiên cứu quốc tế của Hiệp hội nghiên cứu tôn giáo và văn hóa Nam Á và Đông Nam Á năm 2019, Giải thưởng giáo dục quốc tế của Hiệp hội Phật giáo truyền thống Nepal năm 2019, Giải thưởng Hiền sĩ về diệu pháp và triết học của Tăng thống của Học viện Parama Dhamma Chetiya Pirivena Ratmalana, Tích Lan năm 2019, Giải thưởng Tháp vàng của Văn phòng quốc gia về Phật giáo Thái Lan năm 2019, Giải thưởng Nhà giáo dục xuất sắc của International Buddhist College, Thái Lan năm 2019, Giải thưởng đuốc vàng Hòa bình Atisha Dipankar của Tăng thống Bangladesh năm 2019 và giải thưởng tuyên dương Vesak của Bộ Văn hóa, Dân tộc thiểu số, Tuổi trẻ và Thể thao của Chính phủ Ấn Độ năm 2021.

Thầy Nhật Từ hiện là ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN, Phó viện trưởng thường trực Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM, Phó viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Phó Ban Phật giáo quốc tế, Phó Ban Giáo dục Phật giáo trung ương, Phó Ban Hoằng pháp trung ương, Phó Ban Từ thiện trung ương và Trụ trì chùa Giác Ngộ (Q10, BRVT, Vĩnh Long), chùa Quan Âm Đông Hải (Sóc Trăng), chùa Tượng Sơn (Hà Tĩnh)...